

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	01
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	02
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	02
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	03
1.3. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	04
1.3.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	04
1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	04
1.3.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	07
1.3.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	09
1.3.1.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	16
1.3.1.5. Kế toán chi phí bán hàng.....	19
1.3.1.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	21
1.3.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	23
1.3.2.1. Kế toán doanh thu tài chính	23
1.3.2.2. Kế toán chi phí tài chính	24
1.3.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	26
1.3.3.1. Kế toán thu nhập khác.....	26
1.3.3.2. Kế toán chi phí khác.....	28
1.3.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	30
1.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	33

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	33
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái	34
1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	35
1.4.4. Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.....	36
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP VÀ TM HÙNG SƠN.....	39
2.1. Khái quát về công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn	39
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	39
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	40
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	41
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	43
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	43
2.1.4.2. Hình thức kế toán, các phương pháp và chính sách kế toán áp dụng	45
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn.....	47
2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán	47
2.2.2. Thực trạng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	56
2.2.3. Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	56
2.2.4. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	61
2.2.4.1. Kế toán doanh thu tài chính	61
2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính	66
2.2.5. Thực trạng kế toán thu nhập khác, chi phí khác	69
2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.....	69
2.2.5.2. Kế toán chi phí khác.....	69
2.2.6. Thực trạng kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành, và xác định kết quả kinh doanh	69
2.2.6.1. Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành	69

2.2.6.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	73
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP VÀ TM HÙNG SƠN.....	82
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	82
3.1.1. Kết quả đạt được	82
3.1.2. Hạn chế.....	83
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn.....	84
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	85
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện	85
3.2.3. Nội dung hoàn thiện	86
Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ.....	86
Kiến nghị 2: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thu hàng hóa.....	86
Kiến nghị 3: Lập sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán	87
Kiến nghị 4: Về việc sử dụng phần mềm kế toán	91
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại và phát triển lâu dài thì các doanh nghiệp cần phải chủ động trong sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác quản lý, nắm bắt một cách nhanh chóng và chuẩn xác các thông tin, đặc biệt là các thông tin tài chính kinh tế.

Vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn đối với các nhà đầu tư, Nhà nước, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Muốn có được những số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì mỗi doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác kế toán cho phù hợp với thực trạng của đơn vị mình. Quản lý tốt chi phí, ít tốn kém, xác định đúng đắn doanh thu và kết quả sản xuất kinh doanh giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn, đề ra những chiến lược kinh doanh tối ưu, mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, được sự giúp đỡ tận tình của CN. GVC. Bùi Thị Chung và các cán bộ trong phòng kế toán của công ty TNHH cơ khí, xây lắp và thương mại Hùng Sơn, em đã lựa chọn nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp và thương mại Hùng Sơn”**

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp và thương mại Hùng Sơn.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp và thương mại Hùng Sơn.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Đối với các doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- Làm căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp với những thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, để đưa ra quyết định có nên đầu tư tiếp vào doanh nghiệp trong thời gian tới không.

Đối với Nhà nước:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa rất quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia, đảm bảo điều kiện chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

Đối với các tổ chức tài chính trung gian:

Các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định có cho doanh nghiệp vay vốn hay không.

Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để các nhà cung cấp quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc mua hàng trả góp.

1.2. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.
- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt số lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hoá. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách Nhà Nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hoá bán ra.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

- Căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép, phản ánh đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- Cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

1.3. NỘI DUNG CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khái niệm:

- *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu bán hàng*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán các hàng hoá mua vào, bán bất động sản đầu tư góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được phần chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sau khi doanh nghiệp giao hàng cho người mua không kể người mua thanh toán ngay hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao chính thức được coi là tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm và thời gian ghi trên hợp đồng. Khi xuất kho hàng chuyển đi, số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng được người mua chấp nhận thanh toán mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* là phương thức mà bên giao đại lý xuất hàng cho bên nhận đại lý để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng (bên giao đại lý) cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức nhận tiền hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì số hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần tiền hàng. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hoá không tương tự. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra, khi nhận hàng kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá trên thị trường.
- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: là phương thức mua, bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp...

Nguyên tắc hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch, các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với những trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Mỗi doanh nghiệp khi ghi nhận doanh thu phải áp dụng những nguyên tắc này để đảm bảo những khoản doanh thu được ghi nhận đúng đắn và hợp lý được pháp luật bảo vệ.

1.3.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Khái niệm:

Giá vốn hàng bán: là giá vốn thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Trị giá vốn hàng xuất kho được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):*

Theo phương pháp này, giả thiết số hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập trước mới xuất đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng nhập trước

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước và do vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào sau cùng hoặc gần cuối kỳ.

- *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định những hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới xuất đến số nhập trước theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước, và do vậy giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này, giá thực tế hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá thực tế hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Giá đơn vị bình quân}}$$

Giá đơn vị bình quân được tính theo 2 phương pháp:

Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá t.tế hàng tồn ĐK} + \text{Trị giá t.tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán (tháng, quý) nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán. Tuy nhiên, cách tính đơn giản, ít tốn công sức.

Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Phương pháp giá thực tế đích danh được sử dụng với các loại hàng hóa có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm... Theo phương pháp này, hàng được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng

nào (hay lô hàng nào) sẽ xác định theo giá thực tế đích danh của loại hàng (lô hàng đó). Nguyên tắc này tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, phản ánh đúng giá trị thực tế của hàng tồn kho.

1.3.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hoá đơn thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 511 có các tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

TK 512 có các tài khoản cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- TK 521: Chiết khấu thương mại
- TK 531: Hàng bán bị trả lại
- TK 532: Giảm giá hàng bán
- TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333: Thuế xuất khẩu

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Tài khoản dùng để hạch toán giá vốn:

- TK 632: Giá vốn hàng bán

Kết cấu TK 632:

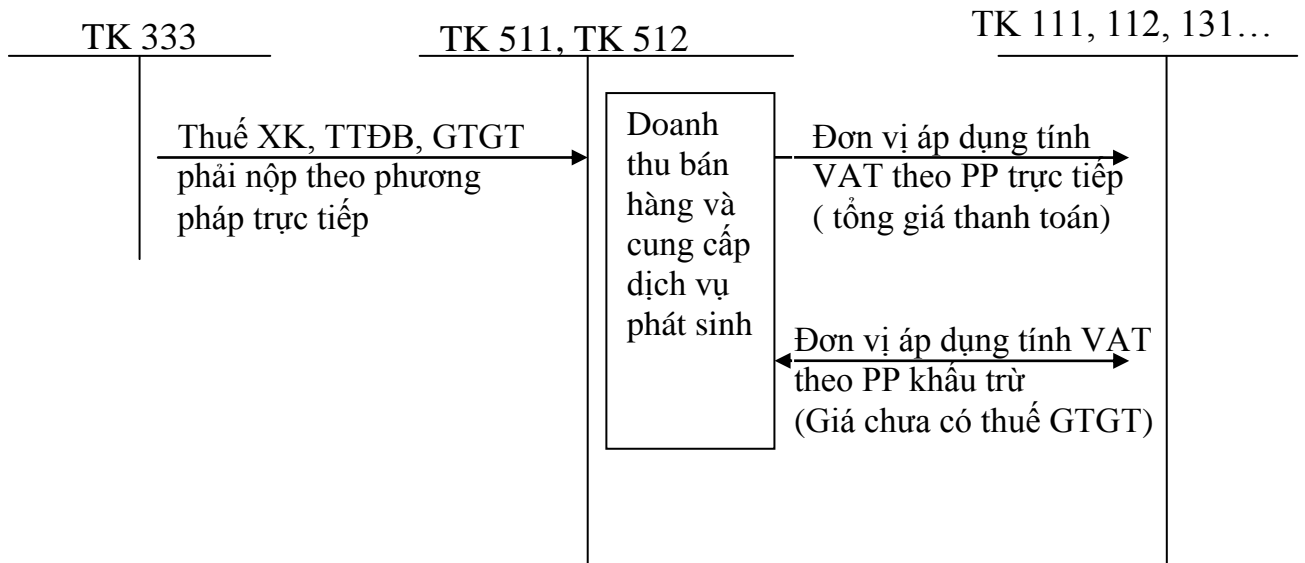
Bên Nợ:

a. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:

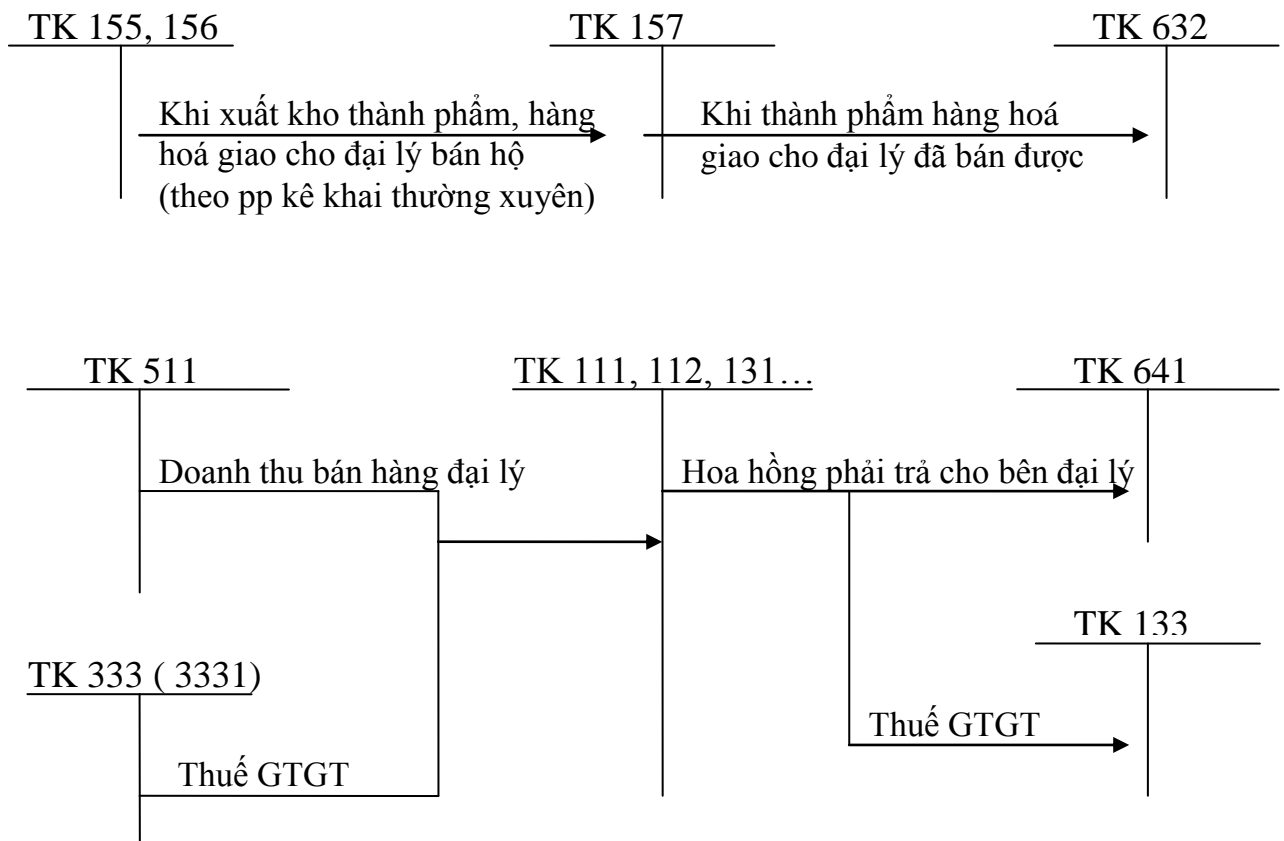
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức quy định và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

b. Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:

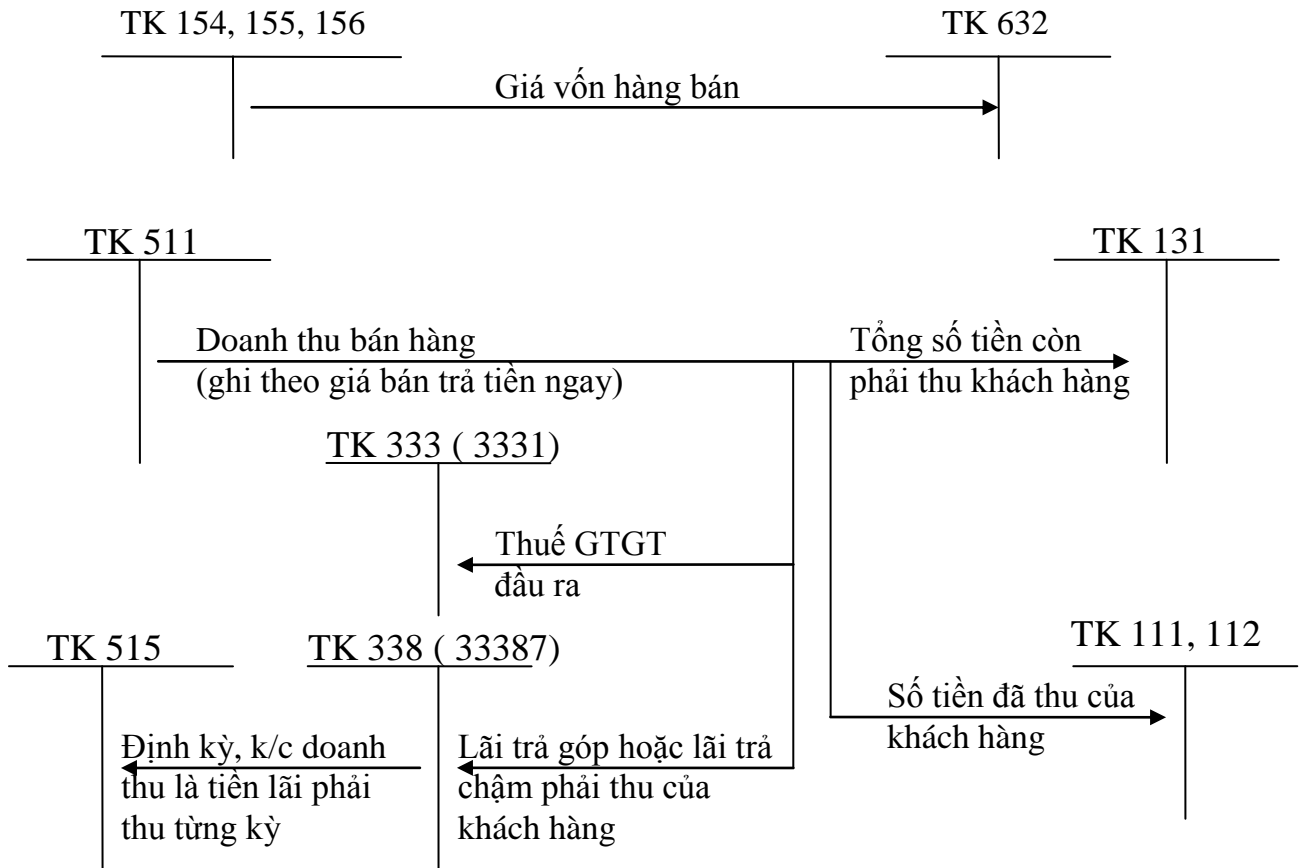
- Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.



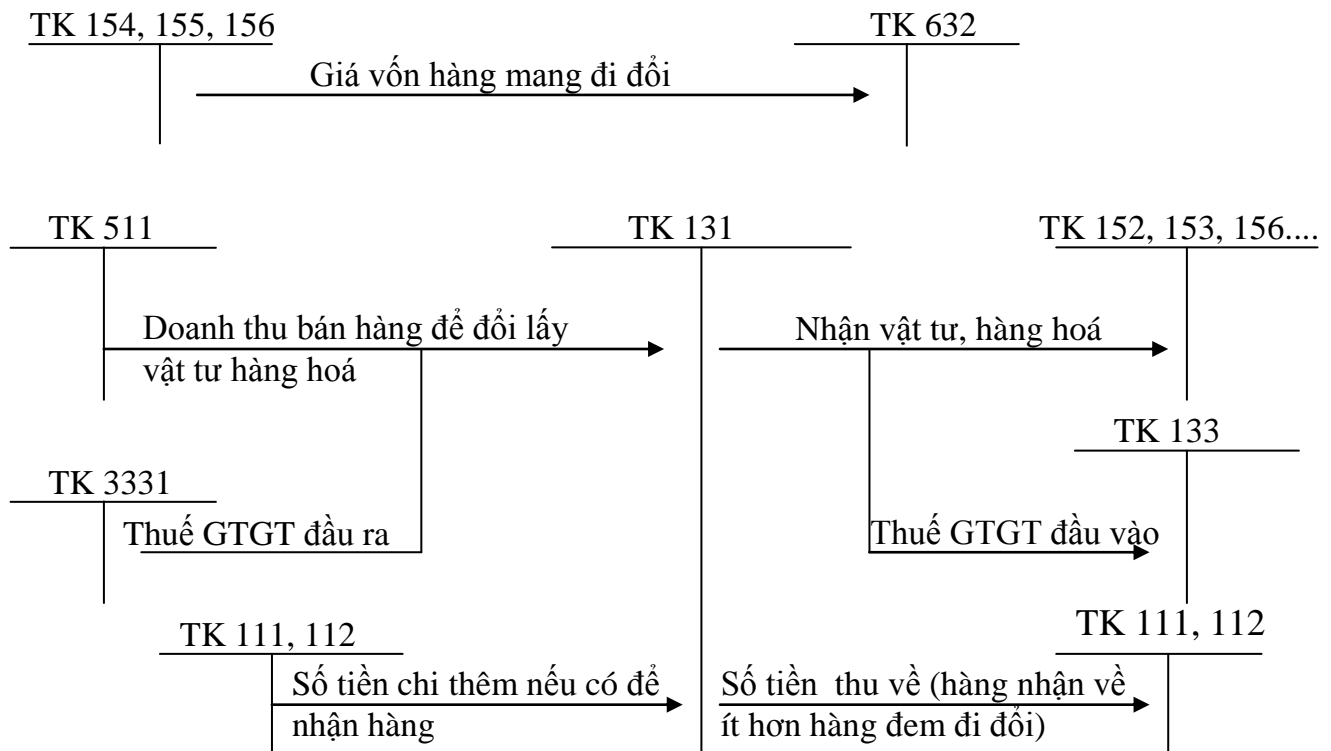
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



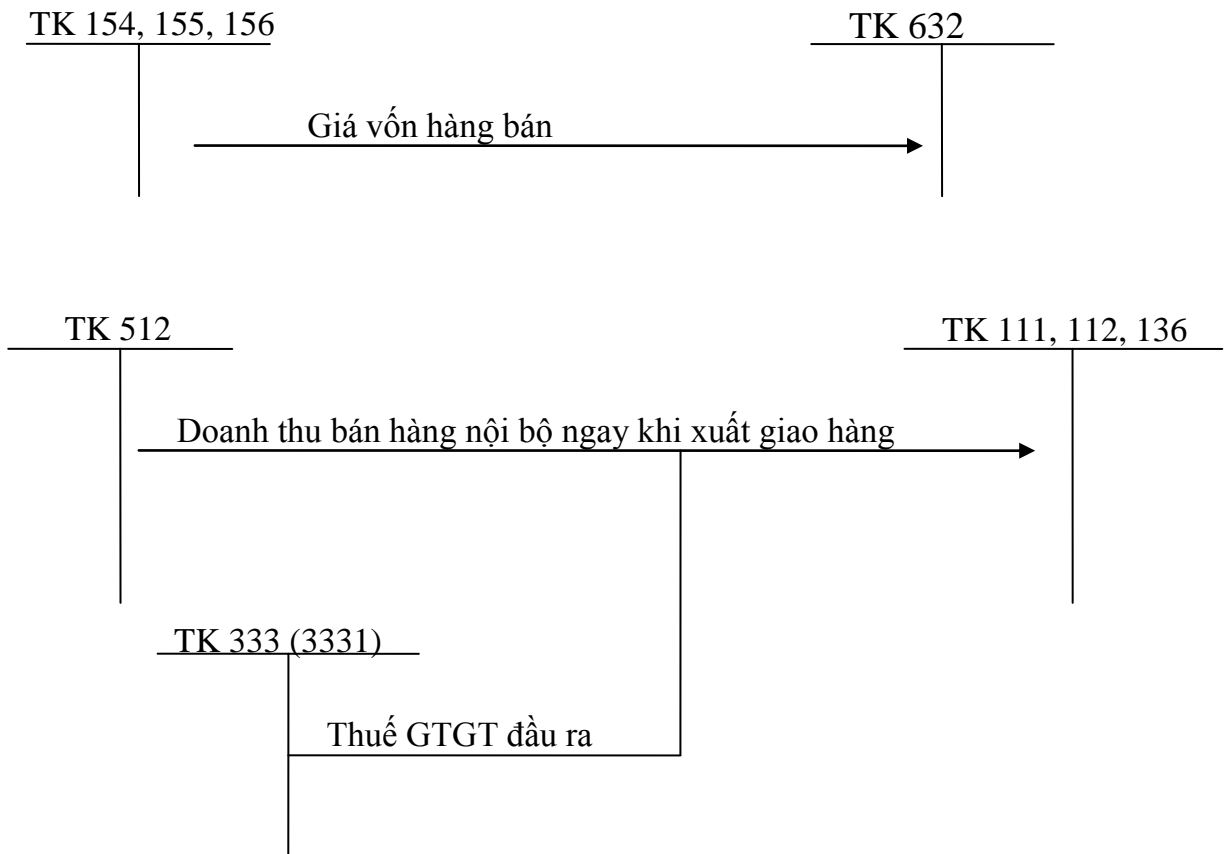
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



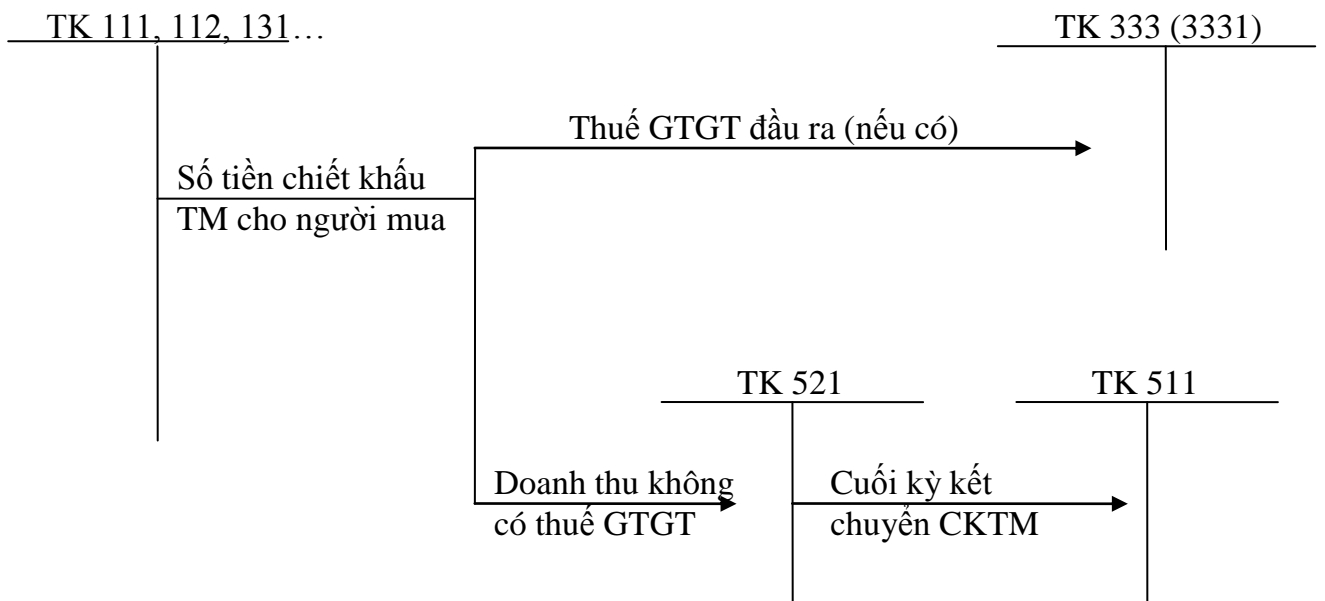
Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại



1.3.1.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ chỉ khác phương pháp kê khai thường xuyên trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ.

Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hoá đơn thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo Có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

Giống phương pháp kê khai thường xuyên, tuy nhiên TK 632 có kết cấu như sau:

- *Đối với doanh nghiệp thương mại:*

TK 632

- Trị giá vốn hàng hoá đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 632 không có số dư.

- *Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:*

TK 632

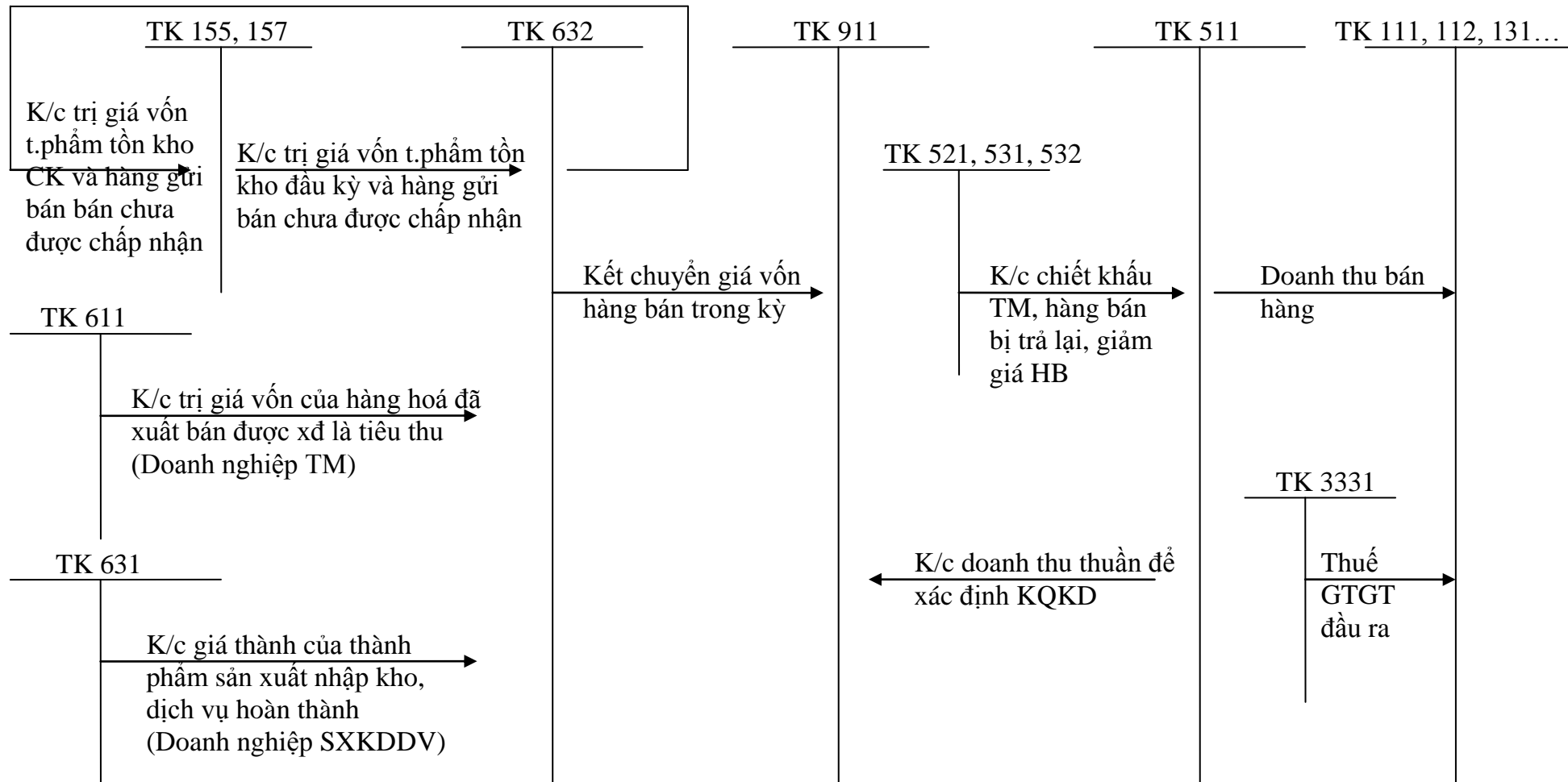
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “thành phẩm”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư.

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.3.1.5. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ bao gồm:

- *Chi phí nhân viên bán hàng*: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- *Chi phí vật liệu phục vụ công tác bán hàng*: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- *Chi phí công cụ đồ dùng*: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- *Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác bán hàng*: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- *Chi phí bản hành sản phẩm*: dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “chi phí sản xuất chung” mà không phản ánh ở TK này.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

- *Chi phí bằng tiền khác*: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

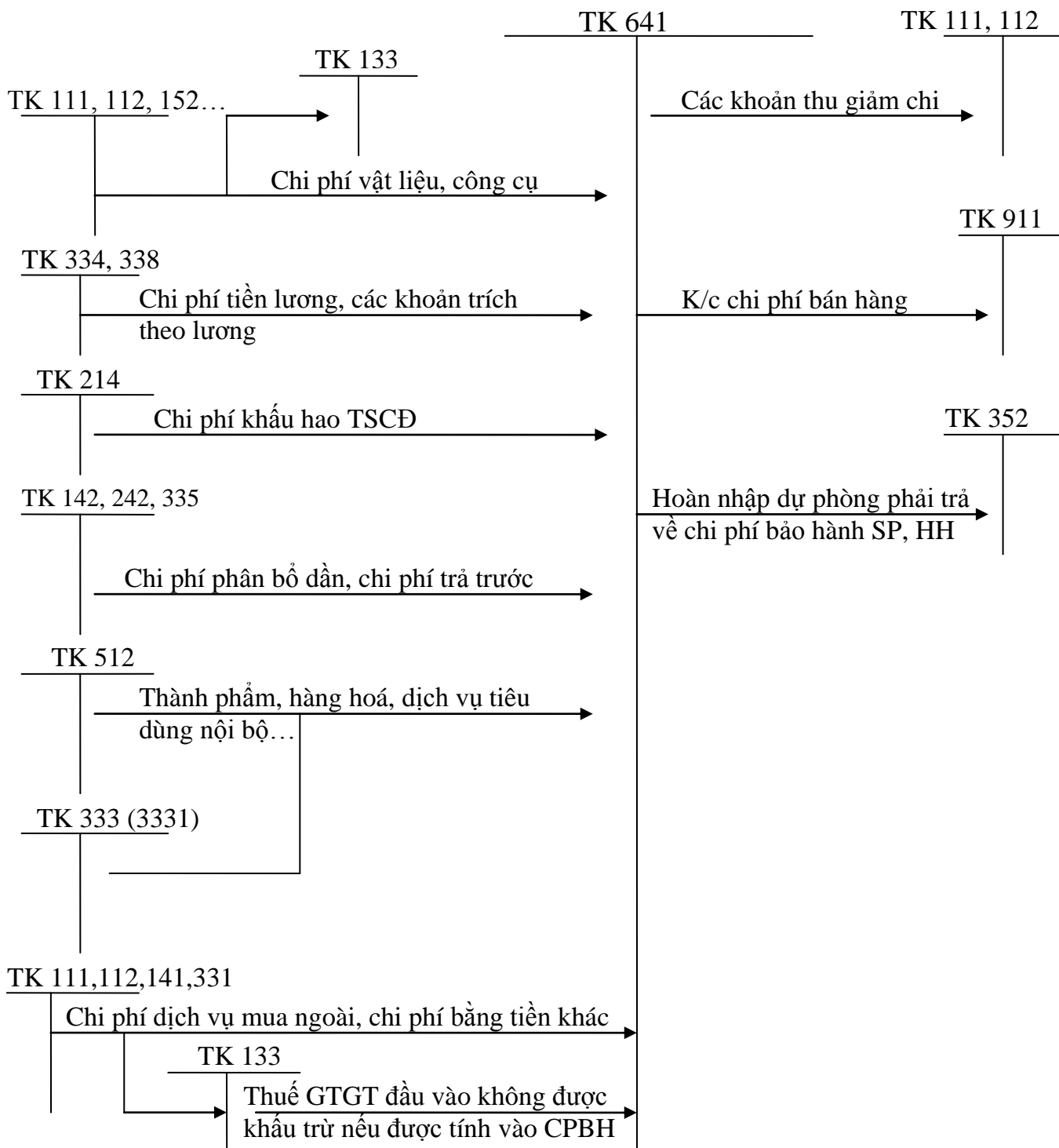
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo Nợ, phiếu kê toán.

Tài khoản sử dụng: TK 641: “ Chi phí bán hàng”

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng



1.3.1.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- *Chi phí nhân viên quản lý*: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- *Chi phí vật liệu quản lý*: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ...

- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- *Chi phí khấu hao TSCĐ*: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- *Thuế, phí và lệ phí*: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất... và các khoản phí, lệ phí khác.

- *Chi phí dự phòng*: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- *Chi phí bằng tiền khác*: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên như: chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

Chứng từ sử dụng:

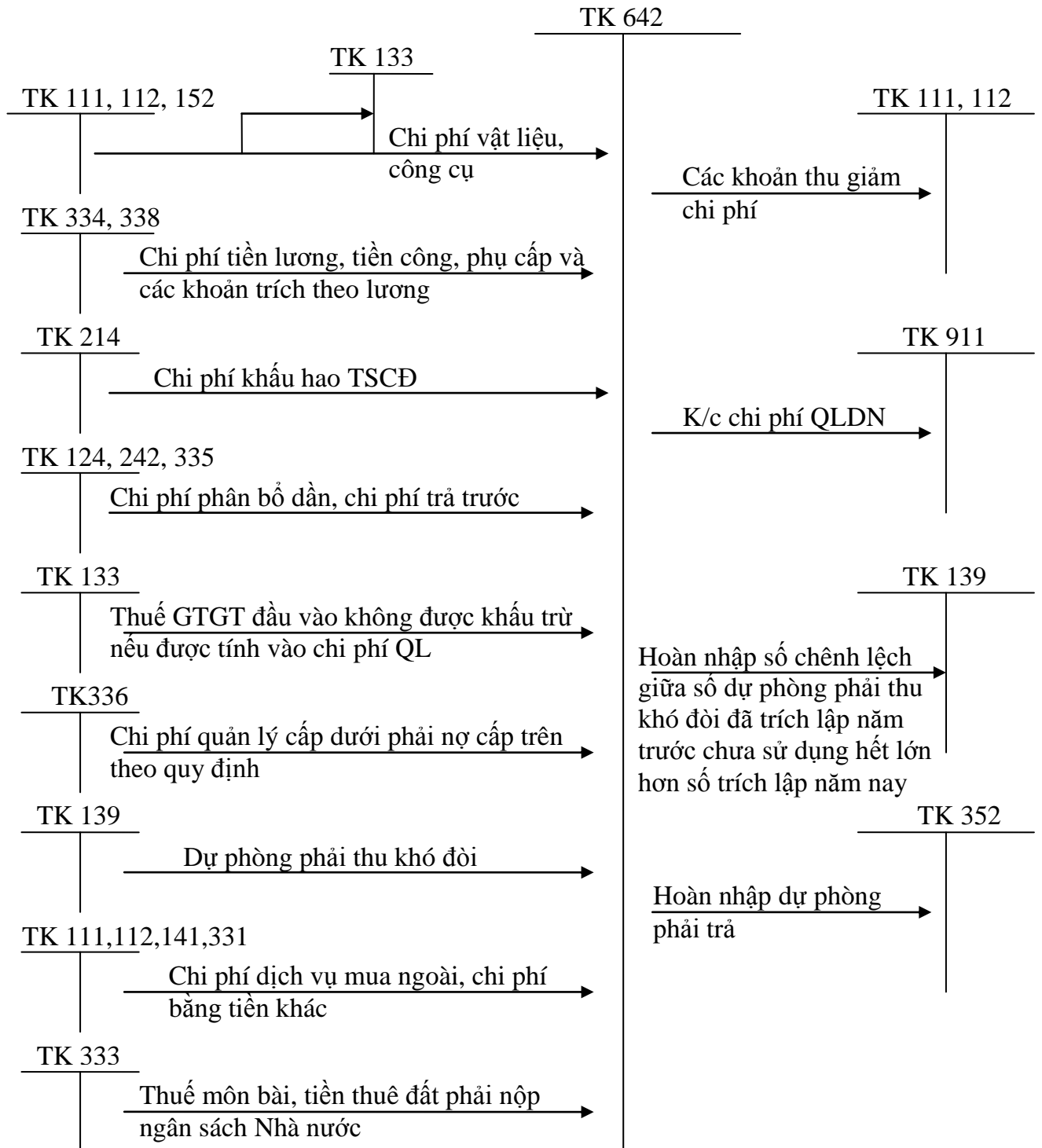
- Phiếu chi

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo Nợ, phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: TK 642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.2. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.3.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động đầu tư tài chính hoặc hoạt động kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán bao gồm:

- Tiền lãi: lãi từ cho vay ngắn, dài hạn, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ. . .
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

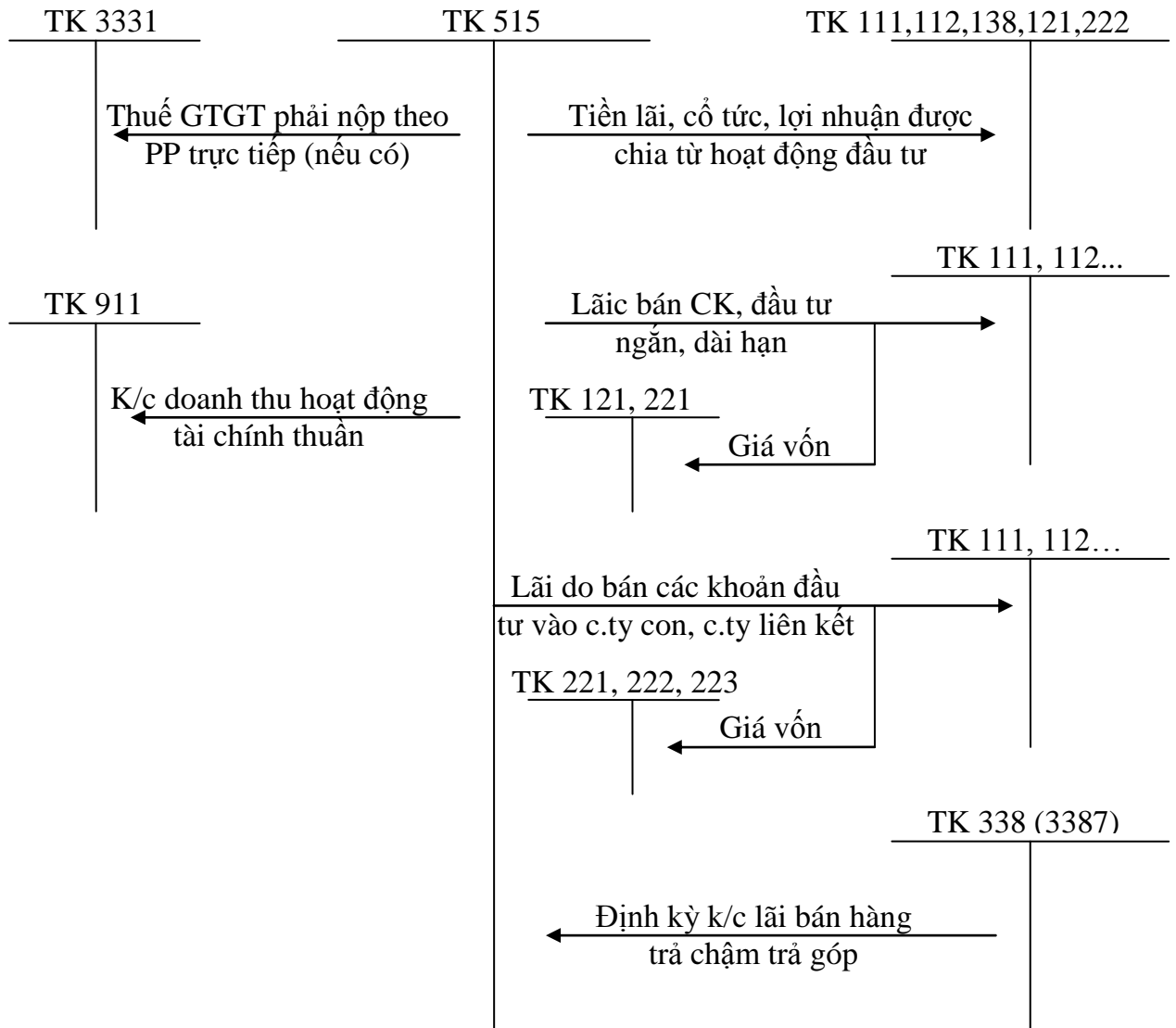
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo Có, phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.3.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính: là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và hoạt động tài chính bao gồm:

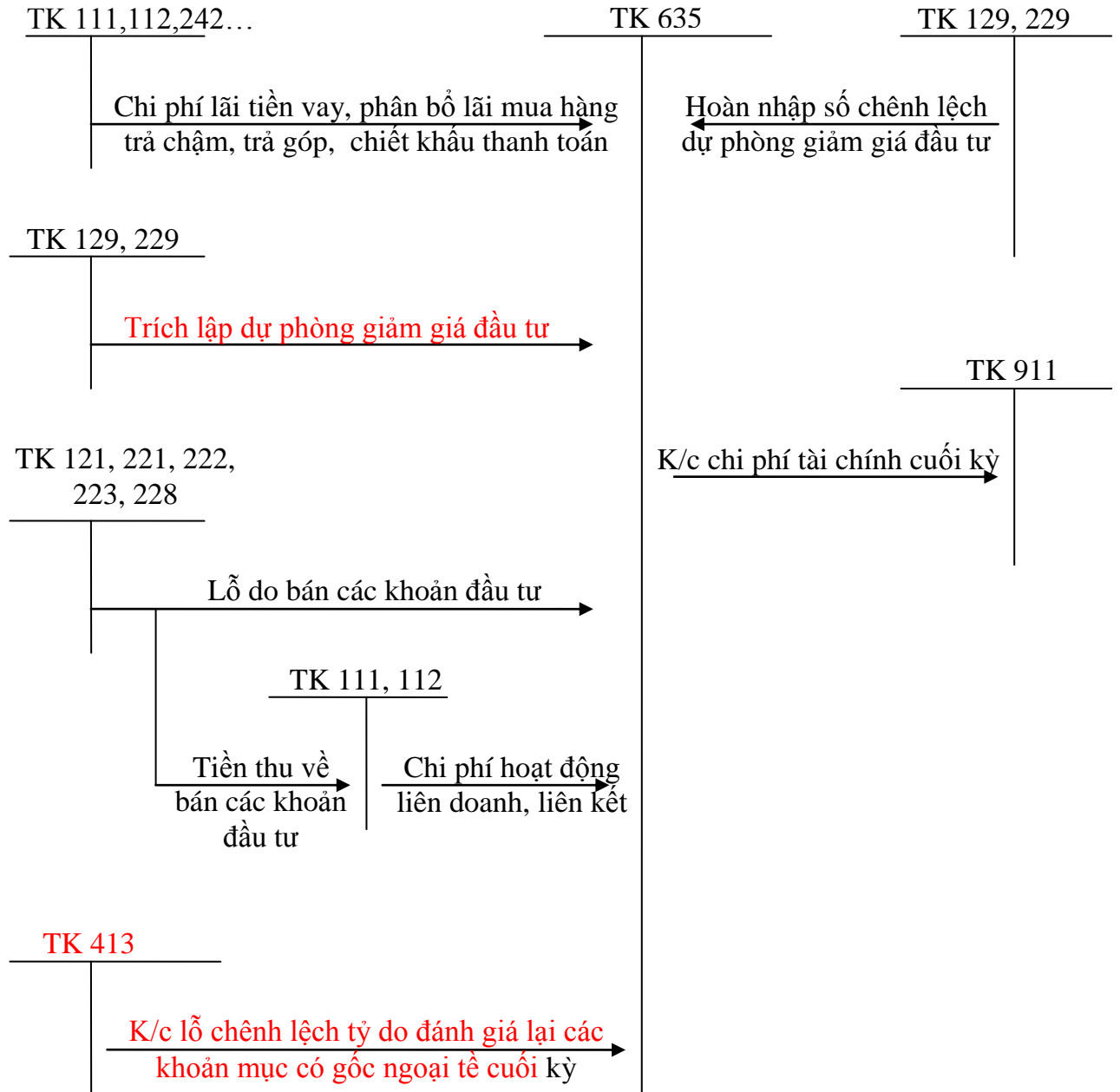
- Chi phí lãi vay
- Lỗ từ bán chứng khoán
- Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái
- Chi chiết khấu thanh toán
- Tiền lãi phải trả từ mua hàng theo hình thức trả góp

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: TK 635: “chi phí hoạt động tài chính”

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.13. Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.3.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.3.3.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

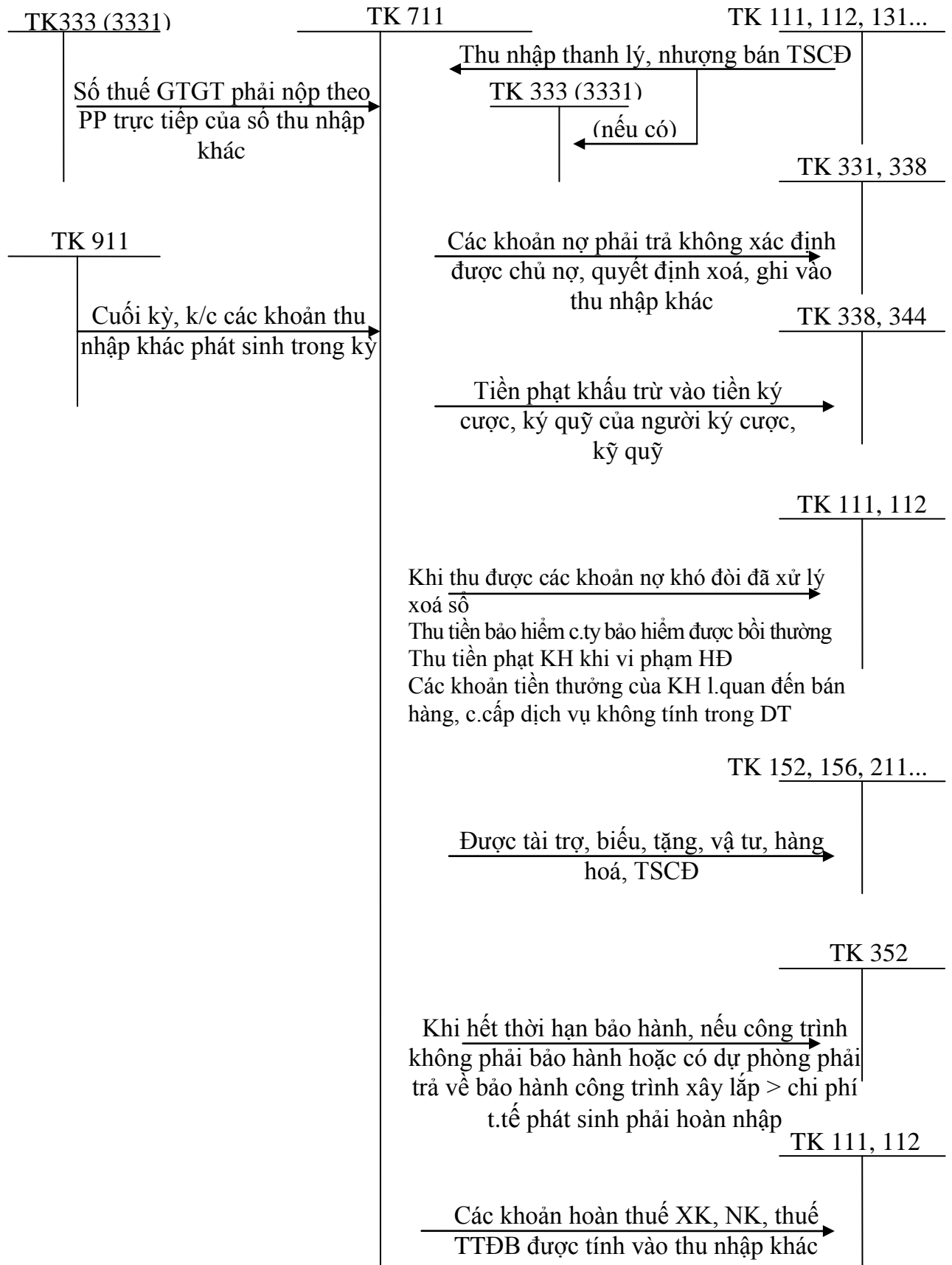
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác



1.3.3.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí hoạt động khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán.
- Chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Chi cho tài trợ, viện trợ, biếu tặng.
- Kiểm kê phát hiện thiếu tài sản cố định, xử lý ghi vào chi phí khác.

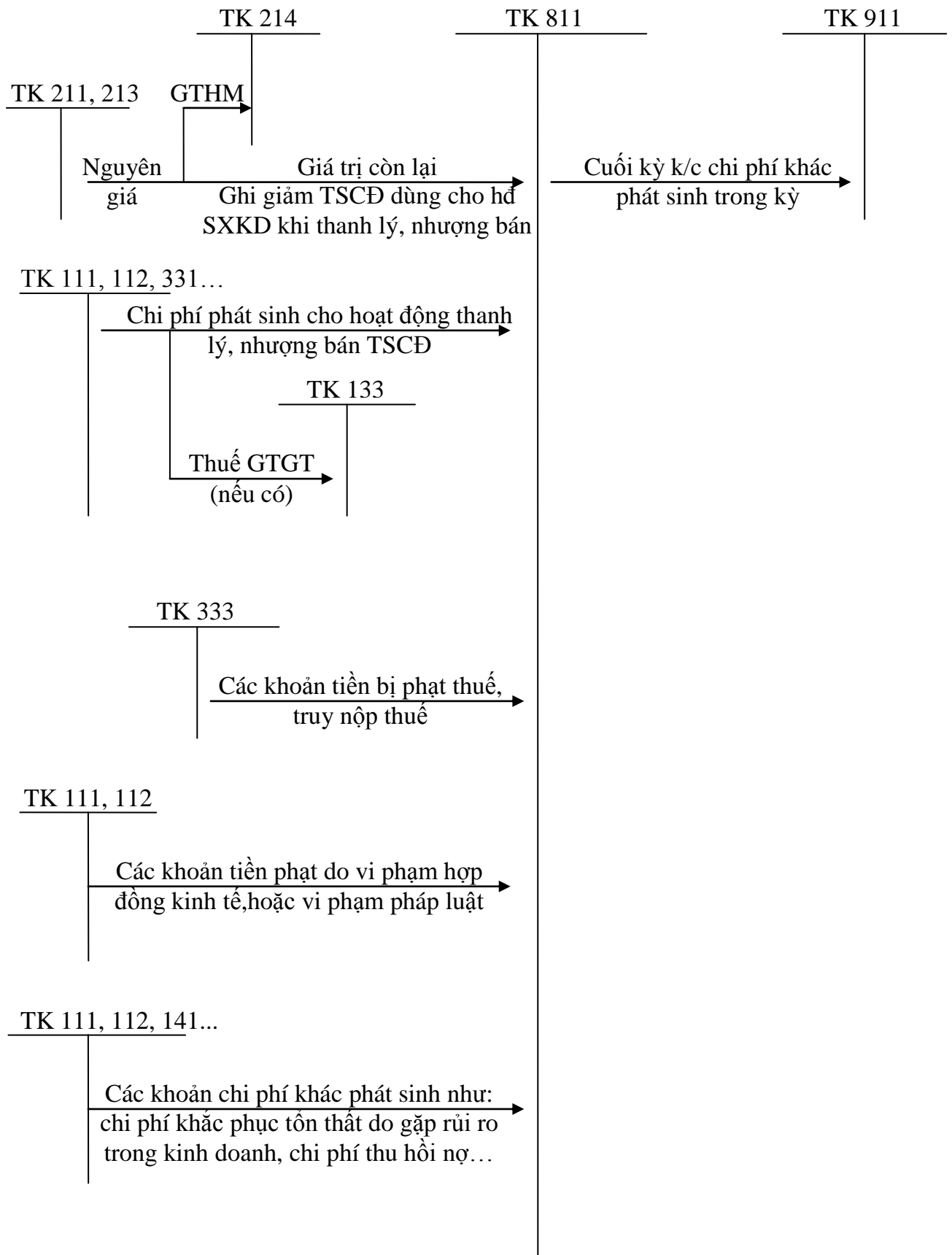
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng: TK 811 “chi phí khác”.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



1.3.4. Kế toán chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

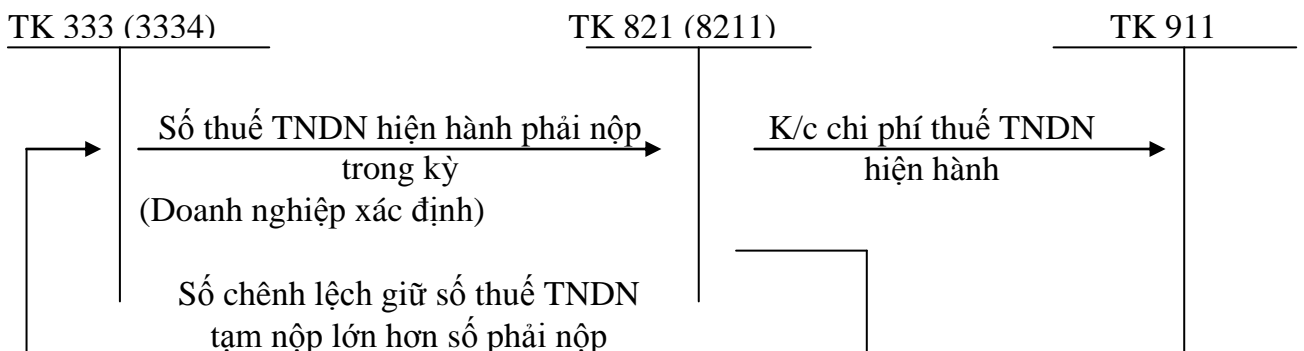
TK 821: “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

TK 821 có 2 tài khoản cấp 2:

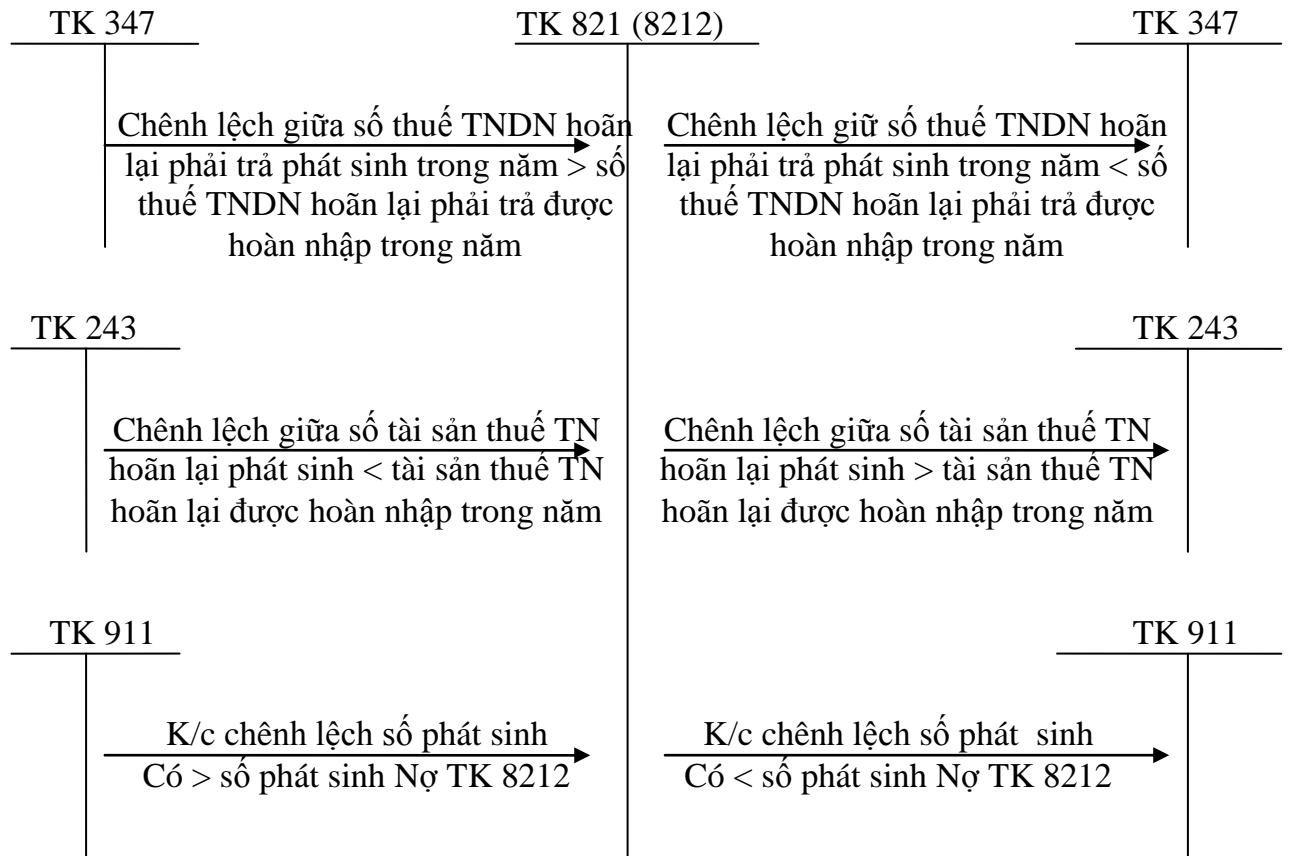
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.16a: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.16b: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ; hoạt động tài chính.

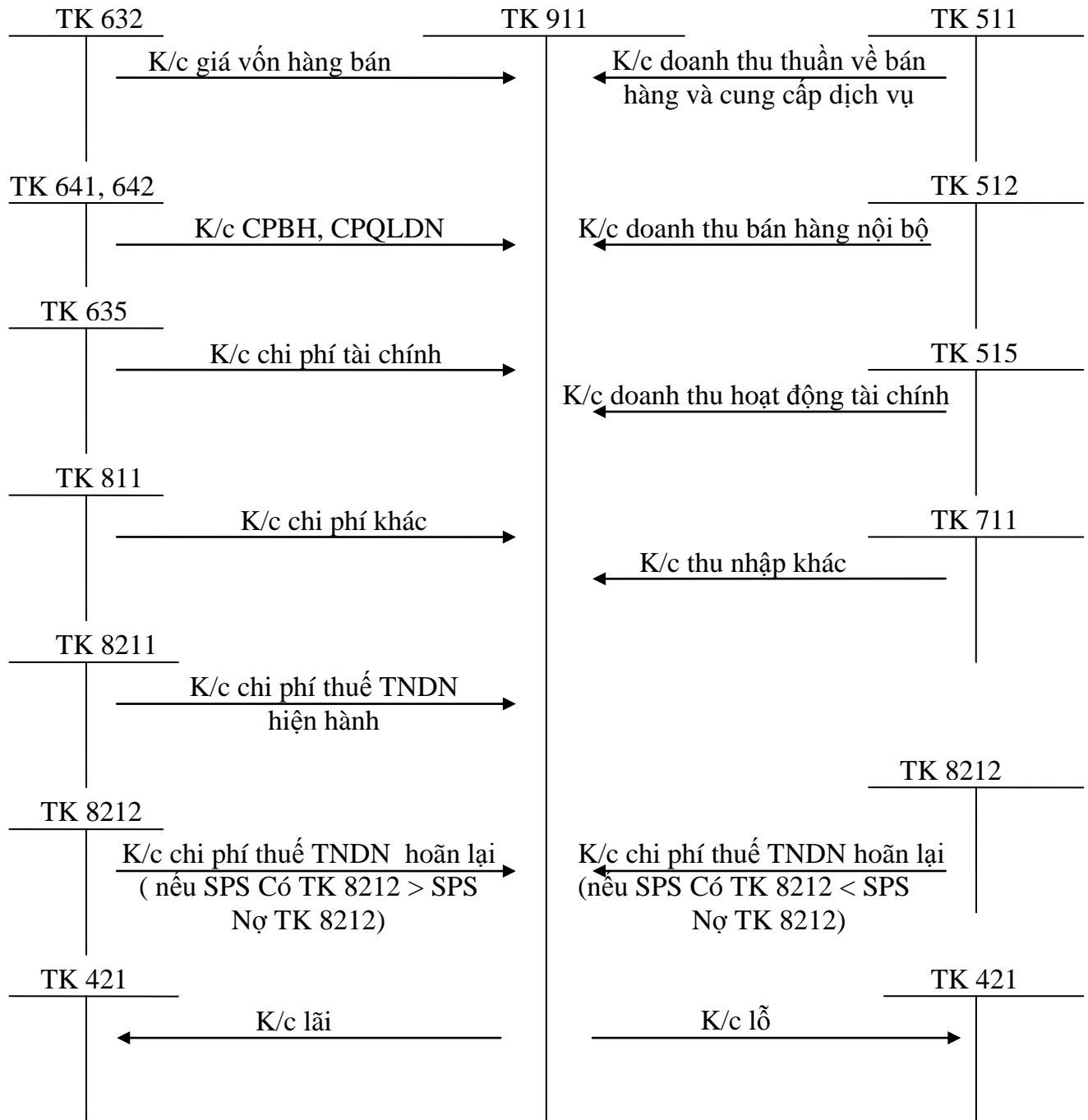
Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.17: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

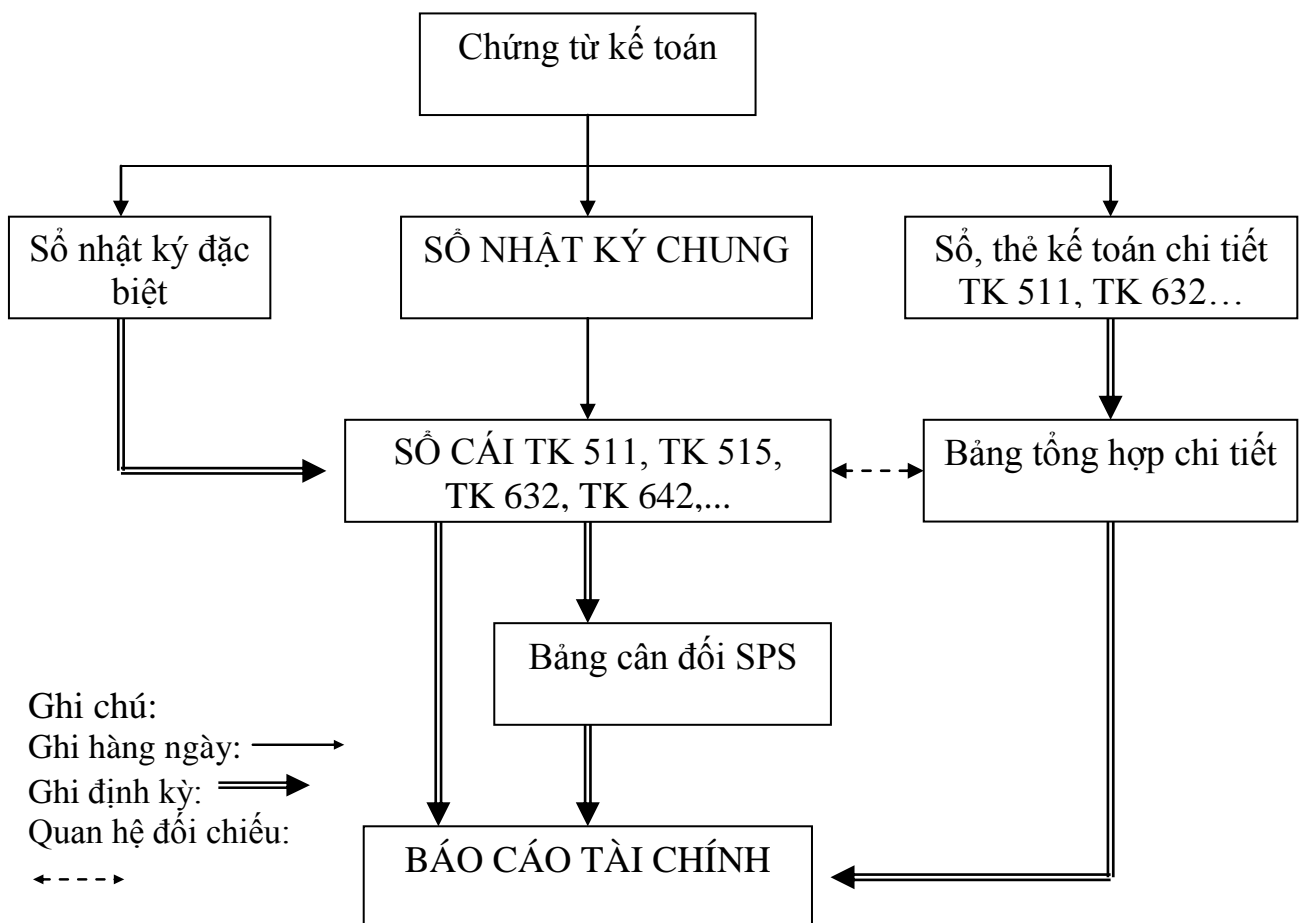
Đặc trưng cơ bản:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ: Sổ nhật ký chung, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ Cái

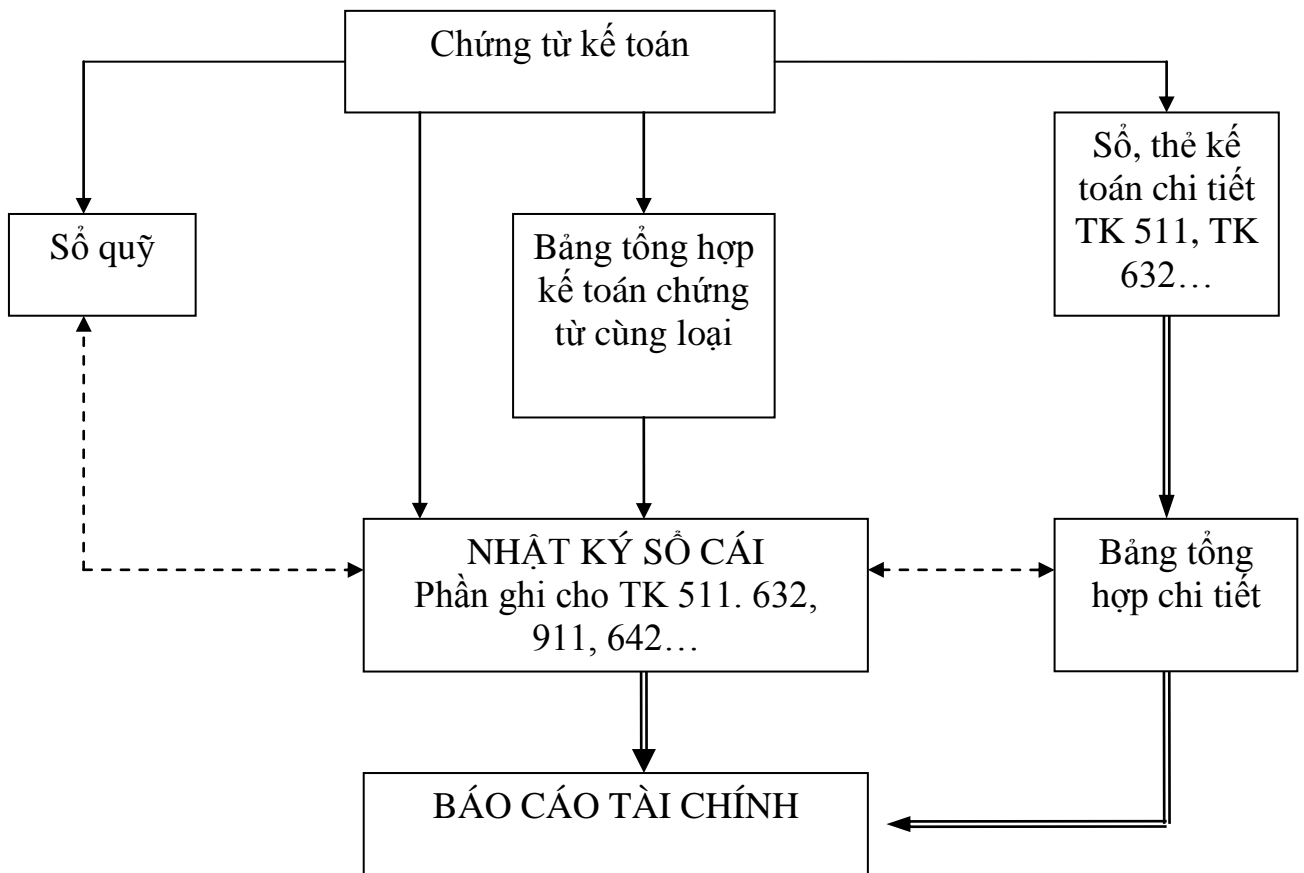
Đặc trưng cơ bản:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ kế toán: Nhật ký - sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <- - - - ->

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

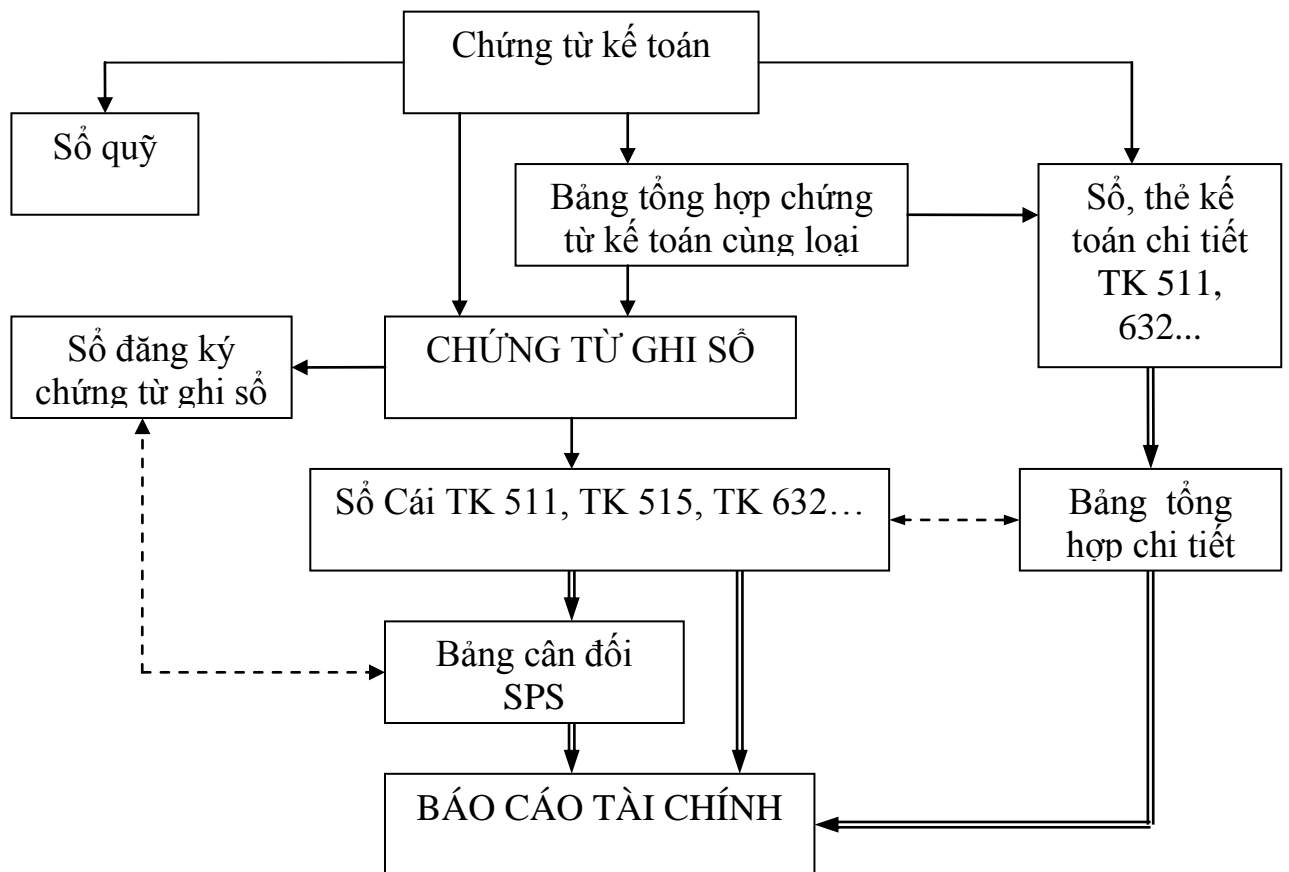
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ kế toán:

- Chứng từ ghi sổ, sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Đôi chiều, kiểm tra: $\longleftarrow \text{-----} \longrightarrow$

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

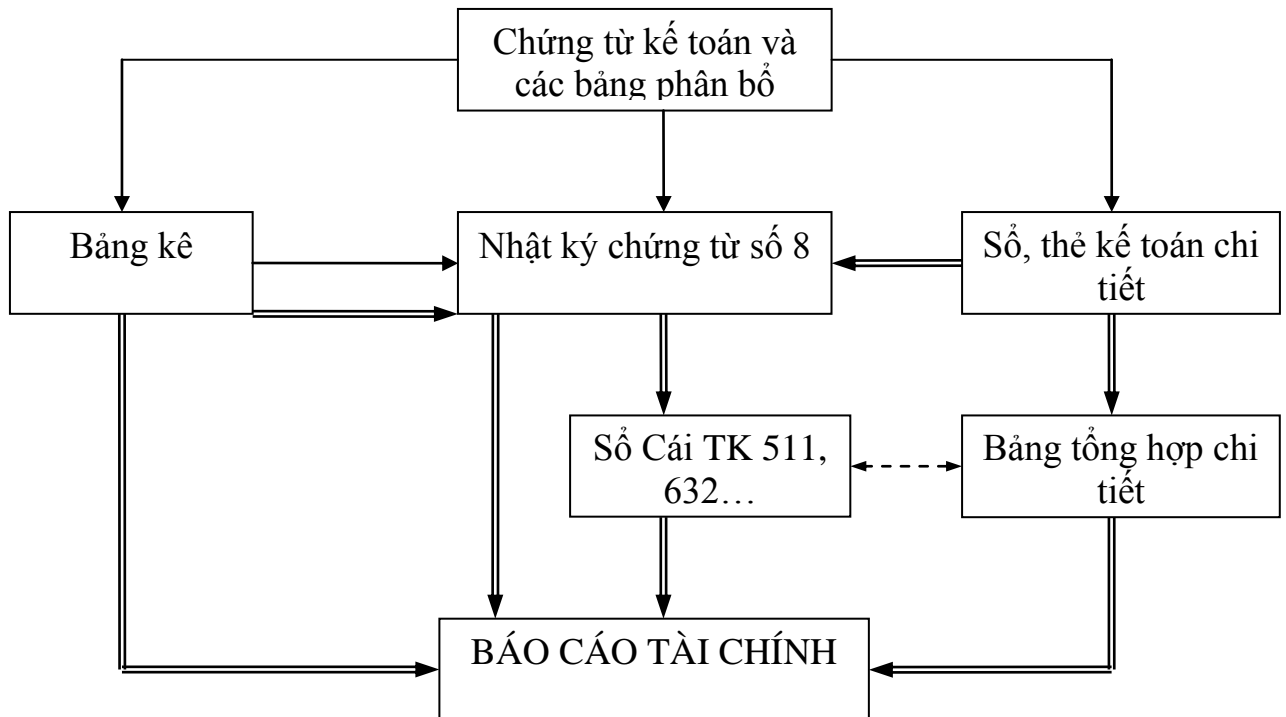
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Các loại sổ:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: =====>

Kiểm tra, đối chiếu: <----->

1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản:

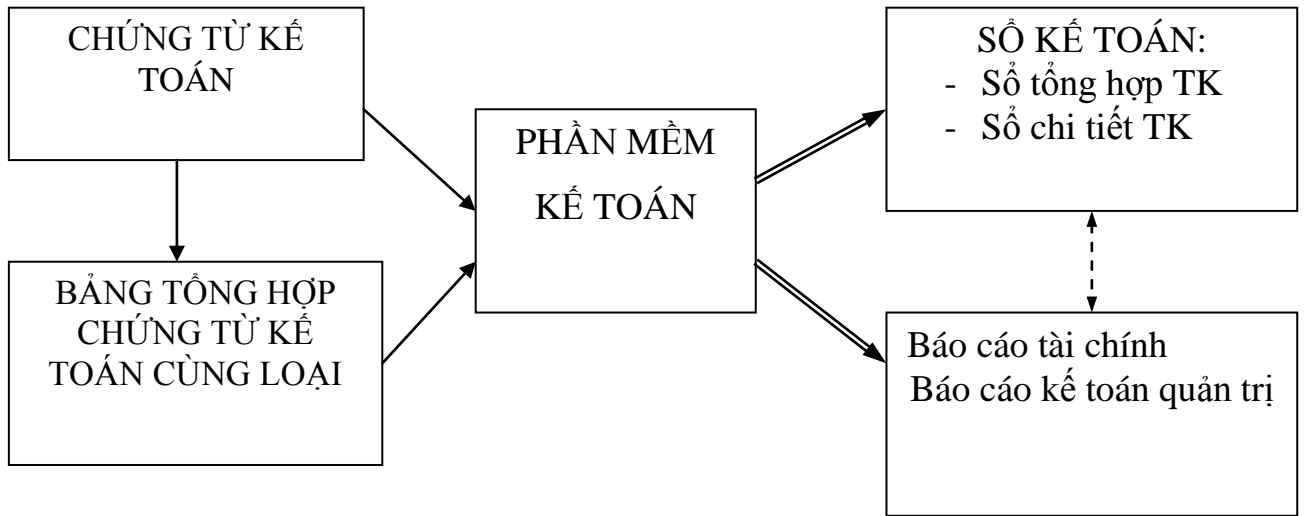
Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán:

Sơ đồ 1.22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.->

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG SƠN

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP & THƯƠNG MẠI HÙNG SƠN

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của công ty.

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH cơ khí xây lắp và thương mại Hùng Sơn

Tên giao dịch quốc tế: Hung Son trading and construction assembling mechanic limited company.

Tên giao dịch viết tắt: Hung Son traconasseco

Hình thức sở hữu vốn: Trách nhiệm hữu hạn

Trụ sở chính: Khu 6 thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.2241830

Mã số thuế: 0200927627

Nghành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công cơ khí, buôn bán sắt thép, vận tải hàng hoá...

Công ty TNHH cơ khí xây lắp và thương mại Hùng Sơn được thành lập năm 2009 tại khu 6, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Và được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0202007610 ngày 1/6/2009.

Vốn điều lệ: 3.500.000.000

Trong quá trình hoạt động công ty gặp những thuận lợi và khó khăn sau:

• **Thuận lợi:**

- Địa điểm công ty ở trung tâm thị trấn Tiên Lãng, thị trấn đang phát triển về xây dựng cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, từ khi cầu Khuê hoàn thành thuận lợi cho việc vận chuyển, giao thương với các khu vực khác.

- Được sự ủng hộ, quan tâm, giúp đỡ của chính quyền các cấp, ngành.

- Cán bộ công nhân viên trong toàn công ty đoàn kết, lao động chăm chỉ có trách nhiệm.

• **Khó khăn:**

- Tình trạng mất điện thường xuyên trong mùa cao điểm làm gián đoạn tiến độ sản xuất của doanh nghiệp.

- Tình hình kinh tế bất ổn, các chi phí điện, nước, xăng dầu... tăng cao kéo theo sự gia tăng về chi phí sản xuất của công ty.

- Hiện tại công ty đang hoạt động ở mức 80% công suất máy móc do gián đoạn nguồn cung nguyên liệu đầu vào.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

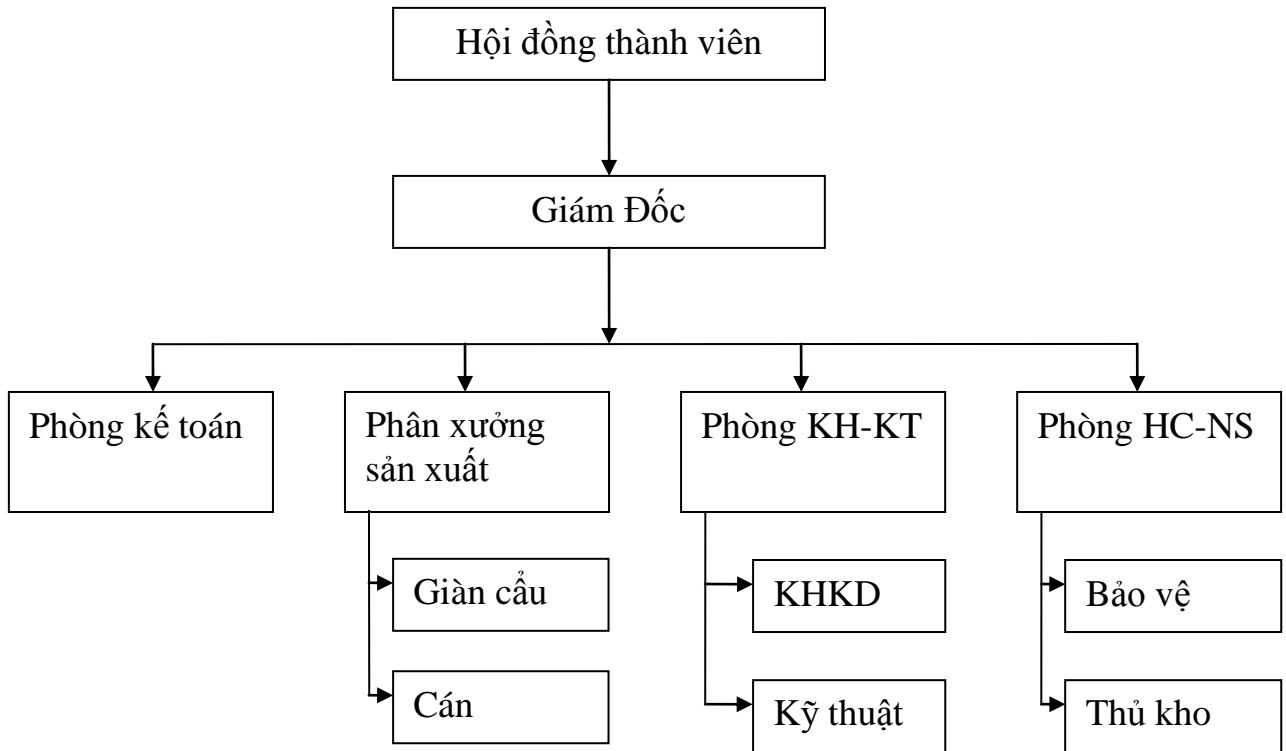
Ngành nghề đăng ký kinh doanh ban đầu:

- Sản xuất sắt, thép, gang
- Sản xuất các loại cấu kiện kim loại
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Bán buôn sắt, thép
- Bán buôn đồng, nhôm, gang, thiếc, chì, crôm, kẽm
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa
- Cho thuê ô tô
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, cơ sở hạ tầng
- Dịch vụ nâng cầu hàng hoá

Hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty là gia công cơ khí tôn mạ màu và xà gồ.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

- **Hội đồng thành viên:**
 - Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của công ty.
 - Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn.
 - Quyết định đầu tư và bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty.
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch Hội đồng thành viên, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt hợp đồng với giám đốc, kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, kế toán trưởng, và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của công ty.
- Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng, phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty.

- **Giám đốc:**

- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
- Trình Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên.
- Tuyển dụng lao động
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

- **Phòng kế toán:** (chi tiết phần 2.1.4.1)

- **Phòng xưởng sản xuất:** Bao gồm các bộ phận:

- *Bộ phận giàn cầu:* Chuyển vật liệu lên giàn cầu, cầu vật tư tới các bộ phận.
- *Bộ phận cán:* Điều chỉnh các thông số kỹ thuật phù hợp với yêu cầu từng loại sản phẩm, giám sát quá trình cán tôn, xà gồ đến khi hoàn thành tôn, xà gồ thành phẩm.

- **Phòng KH-KT(Kế hoạch kỹ thuật):**

Bao gồm hai bộ phận: Kế hoạch kinh doanh và cơ khí.

- *Bộ phận kế hoạch kinh doanh (KHKD):* xây dựng chương trình sản xuất, tham mưu cho giám đốc các chính sách kinh doanh, gặp gỡ các đối tác kinh doanh, xây

dựng các hợp đồng kinh tế. Giám sát về mặt chất lượng, định mức nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm.

- *Bộ phận kỹ thuật*: lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra liên tục. Giám sát và chịu trách nhiệm về tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị.

• **Phòng hành chính nhân sự (HC-NS):**

- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức quản lý, tuyển dụng và đào tạo lao động.

- Quản lý hồ sơ nhân sự, soạn thảo, tiếp nhận, phân phối và lưu trữ các công văn giấy tờ.

- Chịu trách nhiệm tổ chức các sự kiện, đón tiếp khách.

- Trực tiếp quản lý hai bộ phận: Bảo vệ và thủ kho.

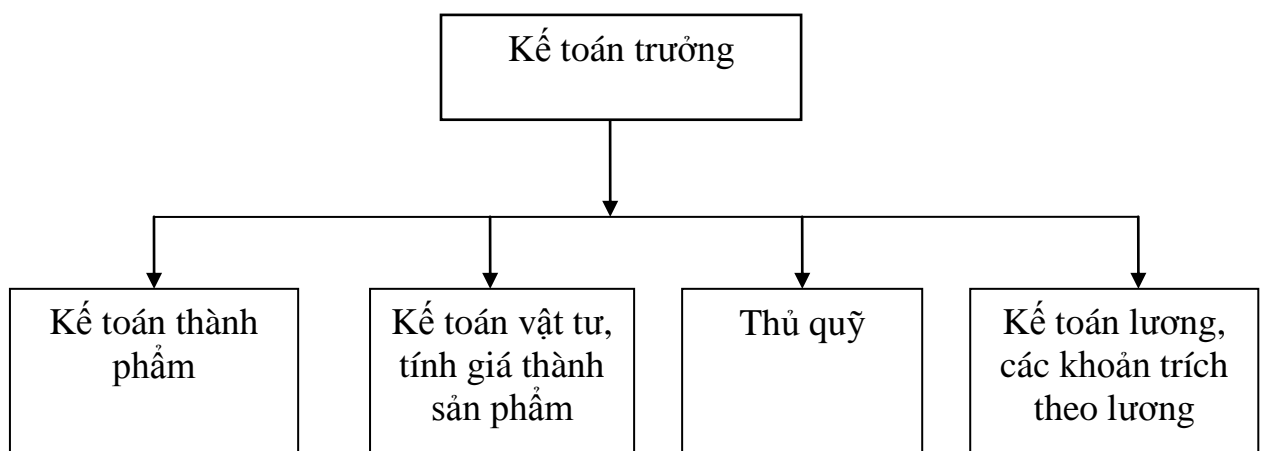
Phòng bảo vệ: đảm bảo an ninh trật tự trong công ty, bảo vệ tài sản của công ty.

Thủ kho: theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho. Chịu trách nhiệm quản lý kho, cùng với bộ phận kế toán kiểm kê kho định kỳ.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp và thương mại Hùng Sơn

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung
Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2 : Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Chức năng, nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng kế toán của công ty TNHH cơ khí xây lắp và thương mại Hùng Sơn.

- **Kế toán trưởng:**

- Điều hành, chỉ đạo công tác kế toán trong công ty:
 - + Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - + Phổ biến, hướng dẫn các kiến thức nghiệp vụ tài chính và các quyết định, thông tư mới... của Bộ tài chính có liên quan đến hoạt động kế toán tại công ty.
 - + Kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán trong công ty.
- Kế toán tổng hợp, lập báo cáo tài chính, phân tích các chỉ tiêu tài chính.
- Chịu trách nhiệm về các thông tin trình bày trên các sổ sách, báo cáo kế toán.
- Lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên cho giám đốc tình hình chi tiêu tại công ty.
- Báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác đề xuất các giải pháp giải quyết.

- **Thủ quỹ:**

- Quản lý và bảo quản tiền mặt.
- Nhập, xuất quỹ tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi đã được phê duyệt.
- Lập sổ quỹ tiền mặt, ghi chép liên tục các khoản thu, chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

- **Kế toán thành phẩm**

- Phụ trách bán hàng, ghi chép và phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho thành phẩm, hạch toán doanh thu phát sinh trong kỳ, theo dõi công nợ với khách hàng.
- Theo dõi, kiểm tra, quyết toán các khoản thuế trong công ty (Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...) theo đúng thời gian quy định của cơ quan thuế. Cập nhật, phản ánh kịp thời các chính sách thuế mới.

- **Kế toán vật tư, tính giá thành sản phẩm:**

- Theo dõi tình hình biến động về mặt số lượng, chất lượng, giá trị của các loại vật tư, nguyên vật liệu đầu vào.

- Cuối tháng tập hợp chi phí phát sinh tại phân xưởng và tính giá thành sản phẩm.

- **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**

- Theo dõi chấm công, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

- Lập bảng phân bổ tiền lương các bộ phận.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng

Công ty TNHH cơ khí xây lắp và thương mại Hùng Sơn áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Các chính sách và phương pháp áp dụng:

- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song.
- Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ vào cuối tháng.

- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

- Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Tính giá trị sản phẩm dở dang: theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Tính giá thành: theo phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn).

- Hình thức kế toán áp dụng: Hiện tại công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

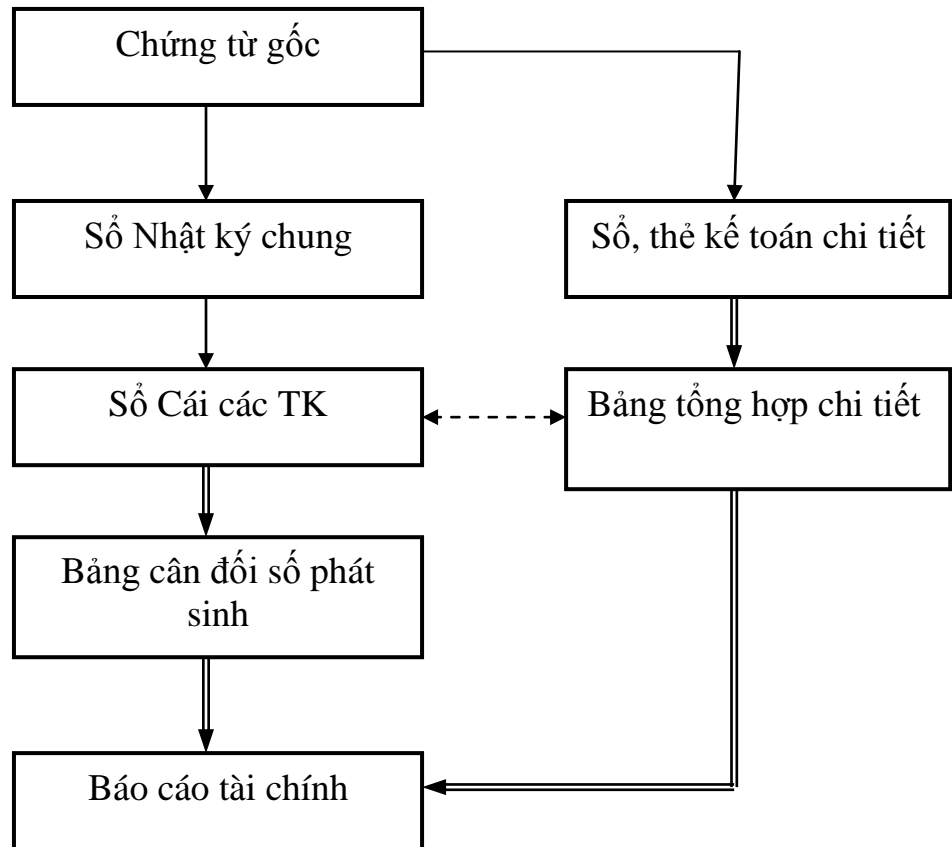
- Hệ thống sổ sách kế toán bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ Cái

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán tại công ty được khái quát theo sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: ===============>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

- Hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:
 - Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DNN)
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DNN)
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)
 - Bảng cân đối tài khoản (mẫu số F01 – DNN)

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP & TM HÙNG SƠN

2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán

Đặc điểm công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; giá vốn hàng bán tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn.

Phương thức bán hàng:

Hiện nay công ty áp dụng phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc xuất bán lẻ trực tiếp cho đối tượng khách hàng mua với khối lượng nhỏ.

Hình thức thanh toán:

Phương thức thanh toán tiền hàng được thoả thuận, thống nhất giữa hai bên.

Công ty áp dụng hình thức thanh toán theo 3 cách:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.
- Thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng
- Thanh toán sau: phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín đối với công ty.

Tài khoản sử dụng:

- TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 632: “Giá vốn hàng bán”

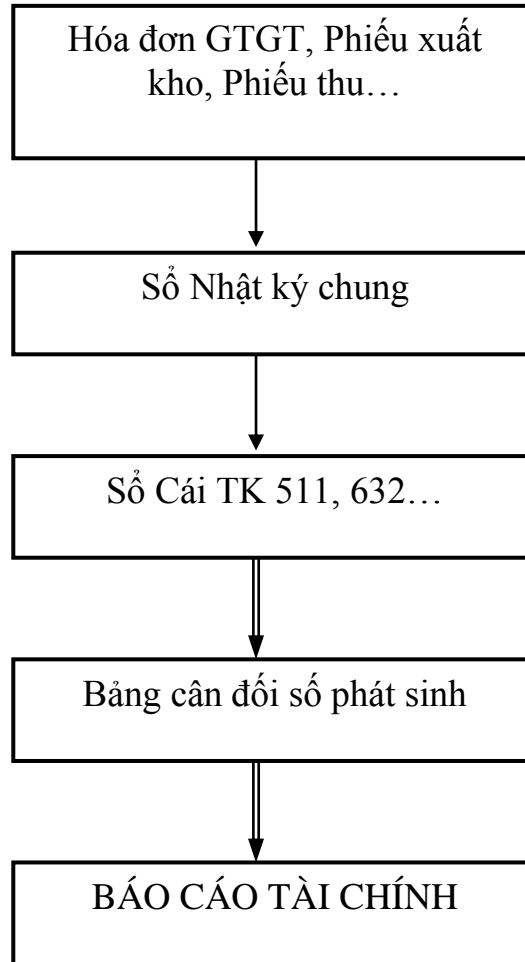
Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, giấy báo Có...

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 511, 632, 333....
- Sổ chi tiết TK 511

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Giá vốn hàng bán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.1: Ngày 05/12, xuất bán tôn Naki đỏ 0.35mm cho công ty CPXD & PT đầu tư Hải Phòng. Tổng giá thanh toán 8.998.825 đồng, thuế VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán viết hoá đơn GTGT(biểu 2.1), lập phiếu xuất kho (biểu 2.2), phiếu thu (biểu 2.3).

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán phản ánh doanh thu và giá vốn tôn Naki đỏ 0.35mm đã bán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.4), từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK 511 (biểu 2.5), sổ Cái TK 632 (biểu 2.6).

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: CE/2010B		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0022672		
Ngày 05 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng:					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> CTY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP & TM HÙNG SƠN Khu 6, Thị trấn Tiên Lãng – H. Tiên Lãng – HP MST: 0200927627 </div>					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Nam.....					
Tên đơn vị: công ty CP TM & XD Hải Phòng.....					
Địa chỉ: Số 5, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.....					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.....MS: 0200155339.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Tôn Naki đỏ 0.35mm	Kg	380.5	21.500	8.180.750
Cộng tiền hàng:					8.180.750
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			818.075
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.998.825
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu chín trăm chín mươi tám ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.2: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Số: 236

TK ghi nợ: 632

TK ghi có: 155

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Ngọc Thắng

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty CP TM & XD Hải Phòng

Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn Naki đỏ 0.35mm		Kg	380.5	380.5	20.818	7.921.249
	Tổng cộng			380.5	380.5		7.921.249

Tổng số tiền bằng chữ: Bảy triệu chín trăm hai mươi một ngàn hai trăm bốn mươi chín đồng./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1HĐ GTGT số 0022672

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

KT trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.3: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU THU

Ngày 05/ 12 /2010

Số: 291

TK ghi nợ 111: 8.998.825

TK ghi có 511: 8.180.750

TK ghi có 3331: 818.075

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Công ty CP TM & XD Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền mua tôn

Số tiền: 8.998.825

Bằng chữ: Tám triệu chín trăm chín mươi tám ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng./.

Kèm theo....02.....chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên)	KT trưởng (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
-----------------------------------	---------------------------	---------------------------------	---------------------------------	-------------------------

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
SH	NT			Nợ	Có

HĐ 22672	05/12	Bán tôn Naki đỏ 0.35mm cho cty CP TM & XD Hải Phòng	111 511 3331	8.998.825	8.180.750 818.075
PX 236	05/12	Giá vốn hàng bán	632 155	7.921.249	7.921.249
			
HĐ 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010	642 133 111	779.545 77.955	857.500
			
HĐ 22680	20/12	Bán xà gỗ cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tưởng, thu tiền ngay.	111 511 3331	19.852.800	18.048.000 1.804.800
PX 244	20/12	Giá vốn hàng bán	632 155	17.637.408	17.637.408
HĐ 22681	21/12	Bán tôn Naki đỏ 0.35mm cho c.ty Cổ phần Nam Kinh, thu tiền ngay	111 511 3331	19.982.160	18.165.600 1.816.560
PX 245	21/12	Giá vốn hàng bán	632 155	17.507.938	17.507.938
	
		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5: Sổ Cái tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			

HD 22672	05/12	Bán tôn Naki đỏ 0.35mm cho cty CP TM & XD Hải Phòng, đã thu tiền mặt.	111		8.180.750
			
HD 22680	20/12	Bán xà gồ cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tưởng, thu tiền ngay.	111		18.048.000
HD 22681	21/12	Bán tôn Naki đỏ 0.35mm cho c.ty Cổ phần Nam Kinh, thu tiền ngay	111		18.165.600

PKT 12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911.	911	7.128.322.171	
		Cộng số phát sinh		7.128.322.171	7.128.322.171
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Sổ Cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	
PX 236	05/12	Bán tôn Naki đỏ 0.35 mm cho Cty CP TM & XD Hải Phòng, đã thu tiền mặt	155	7.921.249	
...			
PX 244	20/12	Xuất xà gò bán cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tường	155	17.637.408	
PX 245	21/12	Xuất tôn Naki đỏ 0.35 mm bán cho c.ty Cổ Phần Nam Kinh	155	17.507.938	
....
PKT 14	31/12	Kết chuyển giá vốn sang TK911	911		6.707.501.154
...			
		Cộng số phát sinh		6.707.501.154	6.707.501.154
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2. Thực trạng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Hiện tại công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu, do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá cho khách hàng
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước, không xuất khẩu nên không chịu thuế xuất khẩu.
- Công ty áp dụng phương thức bán hàng trực tiếp, không có trường hợp hàng bán bị trả lại.

2.2.3. Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương.
- Bảng phân bổ tiền lương cho các bộ phận.
- Bảng phân bổ khấu hao theo bộ phận sử dụng.
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ.
- Hoá đơn GTGT.
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, phiếu kế toán...

Tài khoản sử dụng:

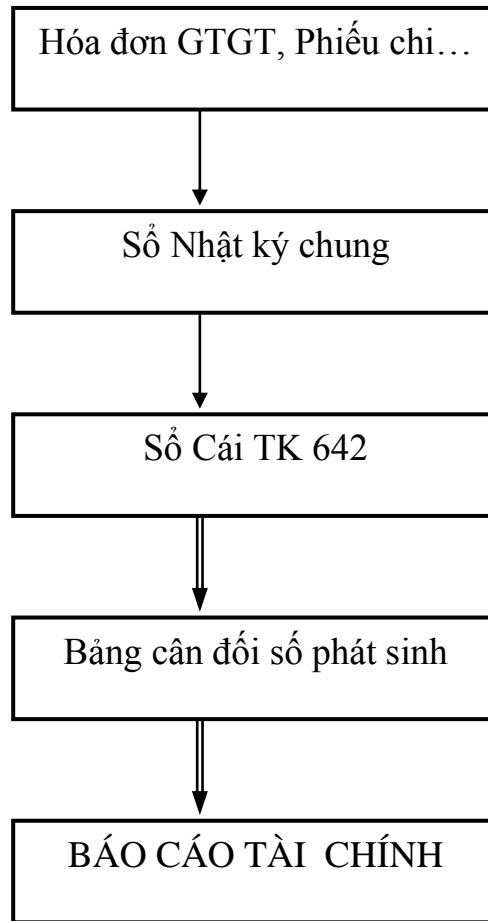
Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006 QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính nên doanh nghiệp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 642: chi phí quản lý kinh doanh.

Tại công ty không phát sinh chi phí bán hàng do hoạt động bán hàng diễn ra tại phòng kế toán nên không có chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí công cụ dụng cụ... và nhân viên kế toán kiêm luôn bán hàng nên không có chi phí tiền lương cho nhân viên bán hàng.

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 642

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Ví dụ 2.2: Ngày 11/12/2010 thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010 cho tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT, số tiền 857.500 đồng.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT (biểu 2.7), phiếu chi (biểu 2.8) ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.9), từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ Cái TK 642 (biểu 2.10).

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.7: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG			Mẫu số: 01 GTKT- 2LN-03		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AB/2010T		
			Số: 983134		
Mã số: 0200287977022					
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT					
TT dịch vụ khách hàng – VTHP - số 4, Lạch Tray, Ngô Quyền, HP					
Tên khách hàng: CTy TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn					
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng					
Số điện thoại: 3943.339, 3943.338			MS: HPG-11-457304 (T28TILANG)		
Hình thức thanh toán: TM			MS:		
STT	Dịch vụ sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	KỲ HOÁ ĐƠN THÁNG 11/2010				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				799.545
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				-20.000
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ (1):					779.545
Thuế suất GTGT: 10% x (1) =			Tiền thuế GTGT (2):		77.955
Tổng cộng tiền thanh toán (1) +(2):					857.500
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng./.</i>					
Ngày 11 tháng 12 năm 2010					
Người nộp tiền <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Nhân viên giao dịch ký <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 11 / 12 /2010

Số: 167

TK ghi nợ: 642

TK ghi có: 111

Người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Thắng

Địa chỉ : Công ty TNHH CK. XL & TM Hùng Sơn

Lý do : Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2010

Số tiền: 857.500

Bằng chữ: *Tám trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng./.*

Kèm theo....01.....chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	KT trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.9: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	SPS	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
			
HĐ 280961 3	10/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2010 cho c.ty TNHH MTV Điện lực HP	627 642 133 111	105.574 246.338 35.191	387.103
HĐ 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010	642 133 111	779.545 77.955	857.500
			
HĐ 22680	20/12	Bán xà gồ cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tưởng, thu tiền ngay	111 511 3331	19.852.800	18.048.000 1.804.800
PX 244	20/12	Giá vốn xà gồ bán theo HĐ 22692	632 155	17.637.408	17.637.408
			
BTTL T12	31/12	Lương nhân viên quản lý doanh nghiệp tháng 12/2010	642 334	19.700.000	19.700.000
			
		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10: Sổ Cái tài khoản 642

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
			
HĐ 280961 3	10/12	Thanh toán tiền điện, nước tháng 11/2010	111	123.529	...
HĐ 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010 cho tập đoàn bưu chính viễn thông VN VNPT	111	779.545	
			
BTTL T12	31/12	Tiền lương nhân viên QLDN	334	19.700.000	
BTTL T12	31/12	Các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT...)	338	4.334.000	
PKT 16	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		337.294.548
		Cộng số phát sinh		337.294.548	337.294.548
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.4. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm 2010 của công ty chủ yếu là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

- TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515

Ví dụ 2.3: Ngày 31/12 công ty nhận được thông báo về lãi tiền gửi của Ngân hàng TMCP quân đội, số tiền 233.500 đồng.

Kế toán căn cứ vào giấy báo Có (biểu 2.11) , kèm theo sổ phụ ngân hàng (biểu 2.12) ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.13), từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 515 (biểu 2.14)

Biểu 2.11: Giấy báo Có

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Chi nhánh Bắc Hải - HP

Mã GDV: **BATCH**

Mã KH: 586178

Số: 89

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2010

Kính gửi: Công ty TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Tiên Lãng, TL, HP

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 2521100478002

Số tiền bằng số: 233.500

Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm VNĐ

Nội dung: ## Lãi nhập gốc ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Chi nhánh Bắc Hải - Hải Phòng

SỔ PHỤ VND

Ngày 31/12/2010

Tài khoản: 2521100478002

Công ty TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn

Khu 6, thị trấn Tiên Lãng, TL, HP

Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có
<i>Số dư đầu ngày</i>		157.039.854
<i>## Lãi nhập tiền gửi ##</i>		233.500
<i>Tổng số phát sinh ngày</i>	0	233.500
<i>Số dư cuối ngày</i>		157.273.354

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.13: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
 Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DDN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
SH	NT			Nợ	Có
			
HD 30252	03/12	Thanh toán phí rút tiền mặt ở Ngân hàng TMCP Quân đội	635 112	363.012	363.012
			
HD 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010	642 133 111	779.545 77.955	857.500
			
GBC 88	26/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng NN & PT nông thôn tháng 12/2010	112 515	13.400	13.400
			
GBC 89	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 12/2010	112 515	233.500	233.500

		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.14: Sổ Cái tài khoản 515

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
			
GBC 88	26/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng NN & PT nông thôn tháng 12/2010	112		13.400
			
GBC 89	31/12	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 12/2010	112		233.500
			
PKT 13	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	2.998.800	
			
		Cộng số phát sinh		2.998.800	2.998.800
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản sử dụng: TK 635: “ Chi phí hoạt động tài chính”

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Phiếu chi...

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 635

Chi phí tài chính tại công ty bao gồm: lãi tiền vay.

Ví dụ 2.4: Ngày 31/12/2010, công ty thanh toán lãi tiền vay ngắn hạn cho ngân hàng TMCP Quân Đội.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu 2.15) ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.16), sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung ghi vào sổ Cái TK 635 (biểu 2.17)

Biểu 2.15: Giấy báo Nợ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

Chi nhánh Bắc Hải - HP

Mã GDV: **BATCH**

Mã KH: 586178

Số: 72

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31/12/2010

Kính gửi: Công ty TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Tiên Lãng, TL, HP

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi NỢ: 2521100478002

Số tiền bằng số: 1.620.000

Số tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

Nội dung: ## Lãi tiền vay ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DĐN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
SH	NT			Nợ	Có
				
GBN 58	03/12	Rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt	111 112	1.100.035.200	1.100.035.200
HĐ 30252	03/12	Thanh toán phí rút tiền mặt ở Ngân hàng TMCP Quân đội	635 112	363.012	363.012
			
HĐ 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010	642 133 111	779.545 77.955	857.500
HĐ 22680	20/12	Bán xà gỗ cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tưởng, thu tiền ngay	111 511 3331	19.852.800	18.048.000 1.804.800
PX 244	20/12	Giá vốn hàng bán theo HĐ 22692	632 155	17.637.408	17.637.408
			
GBN 72	31/12	Thanh toán lãi tiền vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 12/2010	635 112	1.620.000	1.620.000
			
	
		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.17: Sổ cái tài khoản 635

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	...				
PC 173	11/12	Chi trả lãi tiền vay	111	1.190.000	
	...				
GBN 72	31/12	Thanh toán lãi tiền vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân Đội tháng 12/2010	112	1.620.000	
			
PKT 15	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		33.720.000
		Cộng số phát sinh		33.720.000	33.720.000
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.5. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác

2.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Tài khoản sử dụng: TK 711

Chứng từ sử dụng: Phiếu thu...

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711.

Thu nhập khác tại công ty bao gồm:

- Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản thu nhập khác.

2.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Tài khoản sử dụng: TK 811

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi...

Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811.

Thu nhập khác tại công ty bao gồm:

- Chi phí thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại TSCĐ thanh lý và nhượng bán,...

Trong năm 2010, công ty không phát sinh khoản chi phí khác.

2.2.6. Thực trạng kế toán thuế TNDN hiện hành và xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1. Kế toán thuế TNDN hiện hành

Tài khoản sử dụng: TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 821

Hàng quý kế toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp và phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ghi:

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào NSNN, kế toán ghi:

Nợ TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 111, 112,...

Cuối năm, căn cứ vào số thuế TNDN thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế:

Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm lớn hơn số thuế TNDN tạm phải nộp, kế toán phản ánh bổ sung số thuế TNDN hiện hành còn phải nộp.

Nợ TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Có TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp, kế toán ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành.

Nợ TK 3334: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Ví dụ 2.5: Ngày 25/10/2010 xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp của quý 3/2010.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 8211: 2.933.626

Có TK 3334: 2.933.626

Biểu 2.18: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn

Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 09/10

Ngày 25/10/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định số thuế TNDN tạm phải nộp quý 3/2010.	8211	3334	2.933.626
	Cộng			2.933.626

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.19: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DĐN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
SH	NT			Nợ	Có
				
PKT 09/10	25/10	Xác định số thuế TNDN tạm phải nộp quý 3/2010	8211 3334	2.933.626	2.933.626
			
HĐ 983134	11/12	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2010	642 133 111	779.545 77.955	857.500
HĐ 22680	20/12	Bán xà gỗ cho c.ty TNHH TM & DVCK Tin Tưởng, thu tiền ngay	111 511 3331	19.852.800	18.048.000 1.804.800
PX 244	20/12	Giá vốn hàng bán theo HĐ 22692	632 155	17.637.408	17.637.408
			
PKT 17/12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp bổ sung	8211 3334	4.987.163	4.987.163
PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911	911 8211	13.201.317	13.201.317
			
		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.20: Sổ Cái tài khoản 821

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
			
PKT 09/10	25/10	Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp quý 3/2010.	3334	2.933.626	
PKT 17/12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp bổ sung.	3334	4.987.163	
PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN.	911		13.201.317
		Cộng số phát sinh		13.201.317	13.201.317
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.6.2. Thực trạng kế toán xác định kết quả kinh doanh

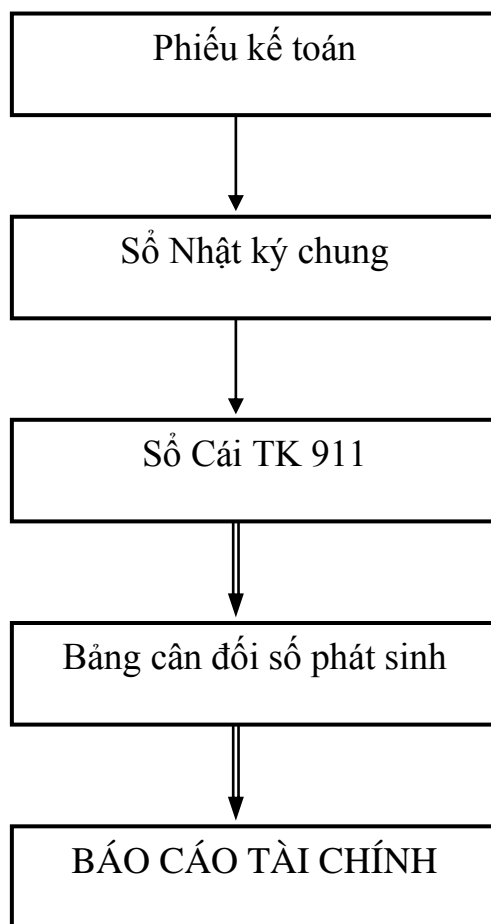
Tài khoản sử dụng: TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh” và các TK khác có liên quan

Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, sổ Cái TK 421.

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Nội dung kết quả kinh doanh của công ty bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	=	<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	+	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	-	<i>Chi phí tài chính</i>	-	<i>Chi phí quản lý kinh doanh</i>
52.805.269	=	420.821.017	+	2.998.800	-	33.720.000	-	337.294.548

<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	=	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	-	<i>Giá vốn hàng bán</i>
420.821.017	=	7.128.322.171	-	6.707.501.154

<i>Lợi nhuận khác</i>	=	<i>Thu nhập khác</i>	-	<i>Chi phí khác</i>
0	=	0	-	0

Kết quả hoạt động khác:

Kết quả kinh doanh:

<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	=	<i>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	+	<i>Lợi nhuận khác</i>
52.805.269	=	52.805.269	+	0

<i>Chi phí thuế TNDN</i>	=	<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	*	25%
13.201.317	=	52.805.269	*	25%

<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	=	<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	-	<i>Chi phí thuế TNDN</i>
39.603.952	=	52.805.269	-	13.201.317

Ví dụ 2.6: Ngày 31/12/2010 tính thuế TNDN phải nộp và xác định kết quả kinh doanh năm 2010.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối ngày 31/12/2010 sau khi cập nhật hết các chứng từ phát sinh, kế toán lập phiếu kế toán (biểu 2.21)...đến (biểu 2.28) kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau đó vào sổ nhật ký chung (biểu 2.29) và sổ Cái tài khoản 911 (biểu 2.30), sổ Cái tài khoản 421 (biểu 2.31).

Biểu 2.21: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 12/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	7.128.322.171
	Cộng			7.128.322.171

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 13/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	2.998.800
	Cộng			2.998.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 14/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	6.707.501.154
	Cộng			6.707.501.154

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 15/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	33.720.000
	Cộng			33.720.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 16/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	337.294.548
	Cộng			337.294.548

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 17/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định số thuế TNDN phải nộp bổ sung	821	3334	4.987.163
	Cộng			4.987.163

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 18/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	13.201.317
	Cộng			13.201.317

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Biểu 2.28: Phiếu kế toán

Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 19/12

Ngày 31/12/2010

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	39.603.952
	Cộng			39.603.952

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.29: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
SH	NT			Nợ	Có
			
PKT 12/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	7.128.322.171	7.128.322.171
PKT 13/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	2.998.800	2.998.800
PKT 14/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	6.707.501.154	6.707.501.154
PKT 15/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	33.720.000	33.720.000
PKT 16/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	337.294.548	337.294.548
PKT 17/12	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp bổ sung	821 3334	4.987.163	4.987.163
PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911 821	13.201.317	13.201.317
PKT 19/12	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911 421	39.603.952	39.603.952

		Cộng		70.593.925.270	70.593.925.270

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30: Sổ Cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
	
PKT 12/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		7.128.322.171
PKT 13/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.998.800
PKT 14/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	6.707.501.154	
PKT 15/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	33.720.000	
PKT 16/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	337.294.548	
PKT 18/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2010	821	13.201.317	
PKT 19/12	31/12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	39.603.952	
		Cộng số phát sinh		7.131.320.971	7.131.320.971
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.31: Sổ Cái tài khoản 421

Đơn vị: Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DDN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		48.612.778	
				
PKT 19/12	31/12	Kết chuyển Lãi sang TK 911	911		39.603.952
				
		Cộng số phát sinh			39.603.952
		Số dư cuối kỳ		9.008.826	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ, XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG SƠN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1. Kết quả đạt được

Qua quá trình thực tập em nhận thấy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí xây lắp và thương mại Hùng Sơn đã đạt được một số kết quả như sau:

Về bộ máy kế toán:

Như đã trình bày tại phần 2.1.4.1 bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng phải chịu trách nhiệm về những sai sót xảy ra trong công tác quản lý bộ máy kế toán cũng như các thông tin trình bày trên các sổ sách, báo cáo kế toán. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phê chuẩn uỷ quyền.

Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần nhiệt tình, tâm huyết, chăm chỉ, cẩn thận trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít xảy ra sai sót. Các nhân viên kế toán phần lớn là những người đã gắn bó với công ty từ ngày đầu

tiên thành lập, tuân thủ các quy trình kế toán do công ty thiết lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và có tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn.

Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán theo hình thức nhật ký chung. Việc sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung là phù hợp với đặc điểm quy mô sản xuất của công ty. Hệ thống sổ sách có cấu trúc đơn giản, dễ theo dõi, dễ kiểm tra đối chiếu chi tiết theo từng chứng từ gốc, tạo khả năng tổng hợp xử lý và cung cấp thông tin kịp thời.

Về tổ chức hệ thống sổ sách và chứng từ sử dụng

Tài khoản và sổ sách sử dụng: Nhìn chung công ty đã sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách dùng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh, thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành.

Chứng từ sử dụng: hệ thống chứng từ mà kế toán công ty sử dụng được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, được lưu trữ bảo quản cẩn thận.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định:

3.1.2.1. Việc luân chuyển chứng từ:

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Tuy nhiên, việc luân chuyển chứng từ tại công ty còn chậm, việc lập biểu xuất kho tại công ty chưa kịp thời, nhanh gọn. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận, có khi thủ kho dồn đến cuối

tháng mới chuyên cho phòng kế toán nên tình trạng bị chậm trễ gây nên tình trạng quá tải trong công việc, dễ xảy ra nhầm lẫn do chứng từ về cùng lúc.

3.1.2.2. Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn. Hiện nay công ty không có chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng, việc này sẽ không thu hút được khách hàng, cũng như làm giảm hiệu quả công tác bán hàng của doanh nghiệp.

3.1.2.3. Về sổ sách sử dụng

Công ty không mở sổ chi tiết doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng, gây khó khăn cho việc kiểm tra, theo dõi, xác định lợi nhuận của từng mặt hàng, từ đó không nắm bắt được lợi nhuận thu được từ mỗi mặt hàng là bao nhiêu, mặt hàng nào kinh doanh có hiệu quả và ngược lại, làm ảnh hưởng tới quyết định kinh doanh của nhà quản lý doanh nghiệp.

3.1.2.4. Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Hiện nay công tác kế toán tại công ty thực hiện trên excel cũng đã giảm thiểu được khối lượng công việc cho kế toán, tuy nhiên việc chưa sử dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán gây không ít khó khăn cho nhà quản trị và nhân viên kế toán.

Không sử dụng phần mềm kế toán khiến cho công tác tính toán, hạch toán vào các sổ sách liên quan, tập hợp thông tin gặp khó khăn và dễ bị nhầm lẫn. Việc kiểm tra, rà soát các sai sót, đặc biệt là lập báo cáo tài chính rất vất vả.

Đối với các nhà quản trị, việc không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia công việc, mỗi nhân viên kế toán phụ trách và chịu trách nhiệm về một phần hành kế toán, dẫn đến phải sử dụng nhiều nhân sự. Mặt khác, việc nắm bắt thông tin tài chính cũng gặp khó khăn, không kịp thời vì muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải chờ kế toán cập nhật và tổng hợp các thông tin.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp và TM Hùng Sơn

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Hiện tại, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn chưa được hoàn thiện, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp thông tin, số liệu doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh chính xác hơn, độ tin cậy cao, đúng với chế độ, chính sách hiện hành. Từ đó giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng một cách trung thực, chính xác, hợp lý. Đồng thời giúp nhà quản trị nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hay không, có đạt được kết quả như kế hoạch đã đề ra để có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh, khắc phục nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tăng doanh thu, giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận, mặt khác xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do đó hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng chế độ kế toán Nhà nước ban hành.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Việc vận dụng hệ thống, chế độ, chính sách kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý

nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và mang lại hiệu quả.

3.2.3. Nội dung một số giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn

Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho hay các bộ phận khác đến phòng kế toán thường chậm trễ, gây nhiều khó khăn, làm cho khối lượng công việc vào cuối tháng là quá tải, gây ảnh hưởng không tốt đến công tác kế toán, khiến nhân viên vất vả trong công việc, dễ xảy ra nhầm lẫn. Vì vậy công ty cần có biện pháp quy định cụ thể về thời gian chuyển chứng từ trong tháng cho phòng kế toán để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định kho và các phòng ban phải tập hợp chứng từ và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán, để kế toán ghi nhận kịp thời, giảm bớt khối lượng công việc vào cuối mỗi tháng.

Kiến nghị 2: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại để khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn, nhằm thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lâu năm, làm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, thúc đẩy công tác bán hàng của công ty.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nhất định trên tổng giá trị hợp đồng (công ty có thể xây tự xây dựng mức chiết khấu dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, hoặc giá bán bình quân của sản phẩm

trên thị trường, hay tham khảo của các doanh nghiệp cùng ngành... để đưa ra mức chiết khấu phù hợp).

Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với số lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỉ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Trường hợp khách hàng mua nhiều lần mới đạt được lượng hàng hưởng mức chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ trực tiếp vào giá bán trên hóa đơn mua hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại).

Phương pháp hạch toán:

Khi chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511

Có TK 521

Kiến nghị 3: Lập sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn.

Khi lập sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn công ty có thể xác định được doanh thu, giá vốn, lợi nhuận của từng mặt hàng. Từ đó xác định được mặt hàng nào kinh doanh có hiệu quả, mặt hàng nào cần đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ và mặt hàng nào cần phải có biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí, tăng lợi nhuận hoặc ngừng sản xuất.

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 2.1 ngoài việc ghi chép vào các sổ sách đã trình bày, kế toán ghi bổ sung vào các Sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho sản phẩm tôn Naki độ 0.35mm.

Cụ thể: Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0022672 để vào sổ chi tiết bán hàng cho tôn Naki độ 0.35mm. Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 236 kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho sản phẩm tôn Naki độ 0.35mm.

Sau đây em xin lập Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi tiết giá vốn cho sản phẩm tôn Naki độ 0.35mm năm 2010.

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
 Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

Mẫu số S17 - DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm: Tôn Naki đỏ 0.35mm
Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
05/12	HD 22672	05/12	Bán cho c.ty CPXD & PT đầu tư Hải Phòng	111	380.5	21.500	8.180.750		
...							
21/12	HD 22681	21/12	Bán tôn cho c.ty CP Nam Kinh	111	841	21.600	18.165.600		
...							
			Cộng số phát sinh		128.878,877		2.851.328.868		
			<i>Doanh thu thuần</i>				2.851.328.868		
			<i>Giá vốn hàng bán</i>						
			<i>Lãi gộp</i>						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị : Công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn
 Địa chỉ: Khu 6, TT Tiên Lãng, TL, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN
Tên sản phẩm: Tôn Naki dỏ 0.35mm

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
...							
05/12	PX 236	05/12	Xuất bán cho c.ty CPXD & PT đầu tư HP	155	380.5	20.818	7.921.249	
...						
21/12	PX 245	21/12	Xuất bán cho c.ty CP Nam Kinh	155	841	20.818	17.507.938	
...						
			Cộng phát sinh		128.878,877		2.683.000.462	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kiến nghị 4: Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Việc sử dụng phần mềm giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Đối với nhà quản lý:
 - Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.
 - Nhận được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
 - Có được câu trả lời nhanh từ bộ phận kế toán các câu hỏi có liên quan đến sản xuất kinh doanh.
 - Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
 - Nhà quản trị có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của công ty.
 - Nhà quản trị hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động cả khả năng đáp ứng. Từ đó có thể đưa ra các quyết định đúng đắn, mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

- Đối với bộ phận kế toán:
 - Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo các quy định.
 - Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ Tài Chính và pháp luật Việt Nam .
 - Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị.
 - Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của ban lãnh đạo liên quan đến các con số như :doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền tại quỹ và ngân hàng, công nợ...
 - Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

• Đối với các bộ phận khác: Việc phối kết hợp giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, tránh các công việc trùng lặp, đạt hiệu quả cao.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình như: phần mềm MISA (phiên bản MISA SME.NET 2010), phần mềm SAS INNOVA (Phiên bản 6.8), phần mềm kế toán BRAVO, phần mềm kế toán FAST...

KẾT LUẬN

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Trong đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được ghi nhận là một phần cần được coi trọng. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí có ý nghĩa kinh tế to lớn, giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, chính xác, kịp thời, mang lại hiệu quả trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Trải qua thời gian thực tập và được sự giúp đỡ, hướng dẫn của CN. GVC Bùi Thị Chung, cùng các cán bộ nhân viên trong công ty TNHH cơ khí xây lắp & TM Hùng Sơn, em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nỗ lực nhưng do trình độ hiểu biết cũng như kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý, và chỉ bảo của các thầy cô giáo cũng như của cán bộ phòng kế toán công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn để bài khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của CN. GVC Bùi Thị Chung, cảm ơn các cán bộ trong phòng kế toán của công ty, cùng toàn thể thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Hiên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính_ Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính_ Nhà xuất bản thống kê năm 2009.
3. Khóa luận các khóa 9,10 tại thư viện trường.
4. Các chứng từ, sổ sách, tài liệu kế toán năm 2010 của công ty TNHH cơ khí, xây lắp & TM Hùng Sơn.